

MỞ ĐẦU

1- Lý do chọn đề tài

Đã một thế kỷ trôi qua kể từ khi ra đời đến nay, chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn không chỉ có vai trò to lớn đối với lịch sử Trung Quốc mà còn có ảnh hưởng ở Đông Nam Á trong đó có Việt Nam. Trong lịch sử nhân loại, từ khi xã hội có giai cấp và nhà nước xuất hiện đến nay, cuộc đấu tranh cho các mục tiêu: dân tộc, dân quyền, dân chủ, dân sinh vẫn là những khát vọng thiêng liêng cao cả của loài người. Ngày nay, trước những đổi thay to lớn và nhanh chóng của thế giới, các thế lực đế quốc và phản động quốc tế đã và đang tranh thủ điều kiện mới, lợi dụng các vấn đề dân tộc, dân quyền, tôn giáo ... để can thiệp vào công việc nội bộ của nhiều quốc gia, dân tộc trên khắp thế giới.

Trong khi chủ nghĩa xã hội (CNXH) ở Đông Âu và Liên xô lâm vào khủng hoảng, sụp đổ thì từ 1978 đến nay Trung Quốc tiến hành cải cách mở cửa “*quá đ̣ lên CNXH mang đặc sắc Trung Quốc*” lại thu được những thắng lợi quan trọng. Mô hình xã hội XHCN mà Trung Quốc đang xây dựng có nhiều điểm song trùng với nội dung của “*Chủ nghĩa Tam dân*” và “*Phương lược kiến quốc*” mà Tôn Trung Sơn vạch ra từ đầu thế kỷ XX. Chính bối cảnh lịch sử quốc tế và Trung Quốc nói trên đã làm cho Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn càng trở nên hấp dẫn và mang tính thời sự đối với giới học thuật trên thế giới, ở Trung Quốc và Việt Nam.

Lúc sinh thời chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định : “ ... *Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách của nó thích hợp với điều kiện đất nước chúng tôi ...*”. Việc nghiên cứu và nhận thức lại thật đúng đắn các thành tựu về tư tưởng chính trị của nhân loại trong đó có chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn thiết tưởng là một trong những công việc cần thiết hiện nay.

Không chỉ có vai trò quan trọng ở Trung Quốc mà chủ nghĩa Tam dân còn có ảnh hưởng ở Đông Nam Á và đặc biệt ở Việt Nam. Việt Nam và Trung Quốc là hai quốc gia láng giềng có quan hệ lâu đời và gần gũi nhiều mặt. Cuối thế kỷ XIX Việt Nam bị thực dân Pháp xâm lược và biến thành thuộc địa. Các phong trào cứu nước theo ý thức hệ phong kiến liên tục nổ ra và thất bại. Sự thất bại của phong trào Cần

vuong cuối thế kỷ XIX đã chứng tỏ sự bất lực của khuynh hướng cứu nước theo ý thức hệ phong kiến trước các nhiệm vụ lịch sử của dân tộc. Chính vì thế mà các trí thức yêu nước từ các sĩ phu tiên bộ tới các thanh niên tư sản, tiểu tư sản đều trăn trở tìm kiếm con đường cứu nước với hệ tư tưởng mới, khá đông trong số họ đã bắt gặp và tiếp thu chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn. Vì thế mà phong trào cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX đã phát triển sôi nổi với luồng sinh khí mới.

Từ khi ra đời đến nay chủ nghĩa Tam dân và ảnh hưởng của nó ở Việt Nam đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu của đông đảo các học giả Việt Nam. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được thì vẫn còn những ý kiến chưa thống nhất thậm chí trái ngược nhau về nội dung, giá trị lịch sử và ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân ở Việt Nam. Xuất phát từ những cơ sở lý luận và thực tiễn trên chúng tôi chọn vấn đề **“*Chủ nghĩa Tam dân và ảnh hưởng của nó ở Việt Nam*”** làm đề tài luận văn thạc sĩ của mình.

2- Lịch sử vấn đề

Từ trước tới nay chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn đã thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu. Tại Trung Quốc và Việt Nam đã có nhiều cuộc hội thảo khoa học về Tôn Trung Sơn, chủ nghĩa Tam dân và Cách mạng Tân Hợi được tổ chức với sự tham gia của rất nhiều nhà khoa học Trung Quốc, Nga, Mĩ, Nhật Bản, Việt Nam, Canada, Australia, Đài loan ... Ở Trung Quốc việc nghiên cứu Tôn Trung Sơn và học thuyết của ông đã đưa tới sự ra đời của tổ chức **“*Hội nghiên cứu Tôn Trung Sơn*”**.

Ở Việt Nam, Chủ nghĩa Tam dân được quan tâm nghiên cứu và giới thiệu khá sớm (*từ những năm 20 của thế kỷ trước*) với nhiều cấp độ khác nhau. Chủ nghĩa Tam dân được giới thiệu sơ lược đầu tiên là bởi Dật Công và Nhưộng Tống (*tức Phạm Tuấn Lâm và Hoàng Phạm Trân*) trong tác phẩm **“*Tiểu sử và học thuyết Tôn Dật Tiên*”** do Nam Đồng thư xã xuất bản năm 1926. Trên báo **“*Tiếng Dân*”** năm 1931 có cuộc thảo luận về Chủ nghĩa Tam dân với các bài của Mậu Lĩnh và Ng.T.Th. Nhà sử học Phan Khoang đã dành gần 4 trang (từ 363 đến 366) của **“*Trung Quốc sử lược*”** để giới thiệu sơ lược về chủ nghĩa Tam dân. Nguyễn Hiến

Lê trong “ *Sử Trung Quốc* “ cũng có gần 5 trang viết về “ *Tôn Văn học thuyết* “ và “ *công của Tôn Văn* “.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến năm 1985, nhiều nhà xuất bản Nhà nước và tư nhân đã xuất bản nhiều sách viết về Tôn Trung Sơn, chủ nghĩa Tam dân, Cách mạng Tân Hợi dưới hình thức biên soạn, tóm tắt ngắn gọn. Các giáo trình lịch sử thế giới cận đại của các trường Đại học Sư phạm, Đại học Khoa học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn cũng đều giới thiệu sơ lược về chủ nghĩa Tam dân ở mức độ khái quát.

Đáng chú ý nhất là các bản dịch Chủ nghĩa Tam dân bằng tiếng Việt. Một trong những bản trích dịch sớm nhất phải kể tới là “ *chủ nghĩa dân quyền của Tôn Văn*“ được GQTX cho đăng trên báo Tiếng Dân xuất bản ở Huế từ tháng 11 - 1927 đến tháng 6 - 1928. Ngô Tú Phong cũng có bản dịch lấy tiêu đề “ *học thuyết Tam dân của Tôn Văn*” trên báo Tiếng Dân từ số ra ngày 17/5/1938 đến 18/9/1938. Ông Nguyễn Quang Diêu, có bản dịch với tên “*Tam dân chủ nghĩa*” Dịch giả Ngô Tâm Lý có bản dịch “*Chủ nghĩa Tam dân*” được xuất bản ở Sài Gòn năm 1963.

Từ tháng 12 - 1996 đến nay cùng với công cuộc đổi mới đất nước được Đảng và Nhà nước ta khởi xướng, các ngành khoa học Xã hội và Nhân văn đã có những đổi mới trong công tác nghiên cứu và đạt được những tiến bộ quan trọng. Các học thuyết về tư tưởng chính trị, triết học được đông đảo các nhà khoa học xã hội quan tâm nghiên cứu kỹ lưỡng hơn trước.

Để việc nghiên cứu tư tưởng học thuật của Tôn Trung Sơn được thuận lợi hơn năm 1995 Viện Thông tin Khoa học Xã hội đã tiến hành dịch và xuất bản cuốn “*Chủ nghĩa Tam dân*” của Tôn Trung Sơn. Đây là bản dịch tiếng Việt được xem là sát nghĩa, đầy đủ và mới nhất ở Việt Nam hiện nay.

Năm 1996, Đại học Quốc gia Hà nội đã tổ chức một cuộc Hội thảo Khoa học về Tôn Trung Sơn và chủ nghĩa Tam dân nhân dịp kỷ niệm 130 năm ngày sinh của Tôn Trung Sơn. Năm 2001, Trung tâm Nghiên cứu Trung Quốc thuộc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia đã phối hợp với Hội Khoa học Lịch sử tổ chức cuộc hội thảo “*Chào mừng 90 năm Cách mạng Tân Hợi (1911-2001)*”.

Qua các bài tham dự hội thảo trên (đăng trong kỷ yếu hội thảo khoa học), nhiều vấn đề khoa học về chủ nghĩa Tam dân, ảnh hưởng của nó ở Việt Nam và cuộc Cách mạng Tân Hợi được đặt ra bàn luận. Dựa trên cơ sở tài liệu đầy đủ và điều kiện nghiên cứu thuận lợi hơn trước các nhà khoa học Việt Nam đã có cái nhìn mới hơn về chủ nghĩa Tam dân so với trước đây. Năm 2003, ông Nguyễn Khắc Khoái đã dịch cuốn “Tôn Trung Sơn - Ông tôi” của Tôn Huệ Phương ra tiếng Việt được nhà xuất bản CAND ấn hành với tên gọi “Tôn Trung Sơn - cuộc đời và sự nghiệp cách mạng”. Đây cũng là một tài liệu quan trọng để nghiên cứu kỹ về tiểu sử của Tôn Trung Sơn lần quá trình hình thành và phát triển của chủ nghĩa Tam dân.

Ngoài ra chủ nghĩa Tam dân cũng được giới thiệu bằng các bài nghiên cứu ngắn trên các tạp chí: Nghiên cứu lịch sử, Nghiên cứu Đông Nam Á, tạp chí Sử học, Nghiên cứu Trung Quốc ...

Đề tài “*ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân ở Việt Nam*” cũng được khá nhiều học giả Việt Nam quan tâm nghiên cứu. Tuy nhiên, hầu hết các tác giả đều dừng lại ở việc trình bày ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân đến một vài nhân vật lịch sử chứ chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách đầy đủ toàn diện về ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân ở Việt Nam. Ví dụ: Chương Thâu trong tác phẩm “*Quan hệ Trung - Việt thời cận đại*” chỉ trình bày mối quan hệ qua lại giữa Tôn Trung Sơn và cách mạng Trung Quốc với Phan Bội Châu và phong trào dân tộc Việt Nam do cụ Phan lãnh đạo. Đỗ Tiến Sâm có bài “*Chủ tịch Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn*”. Trong bài nghiên cứu này tác giả chỉ nói về ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân đến Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh mà thôi. Trần Văn Giàu trong tác phẩm “*Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam cuối thế kỷ XIX đến cách mạng tháng Tám*” tập II - Hệ ý thức Tư sản và sự bất lực của nó trước các nhiệm vụ lịch sử ở trang 555 có viết: “... *ảnh hưởng thực tế tại Việt Nam của chủ nghĩa Tôn Dật Tiên là có hạn và tạm thời*”. Mặt khác giáo sư khẳng định: Thực chất của chủ nghĩa Tam dân là “*chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản*” của Tôn Dật Tiên là cái mà Phan Bội Châu tiếp cận” [19, tr. 417].

Nhóm các nhà nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh do Đại tướng Võ Nguyên Giáp phụ trách cũng khẳng định Hồ Chí Minh đã tiếp thu có chọn lọc và phát triển chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn lên một trình độ mới.

Trong số các công trình nghiên cứu ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân ở Việt Nam thì ông Nguyễn Thành có bài: “*Ảnh hưởng của Tôn Trung Sơn và chủ nghĩa Tam dân ở Việt Nam*” đăng trong Kỷ yếu hội thảo khoa học “Chào mừng 90 năm Cách mạng Tân Hợi” là người nghiên cứu công phu và toàn diện hơn cả. Ở bài nghiên cứu trên Nguyễn Thành đã trình bày ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân tới phong trào cách mạng Việt Nam và một số nhân vật lịch sử.

Tóm lại nếu tách riêng từng vấn đề, từng mảng nhỏ thì chủ nghĩa Tam dân và ảnh hưởng của nó ở Việt Nam đã được xem xét từng phần và đậm, nhạt khác nhau. Dù có khá nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài song bên cạnh những kết quả đã đạt được thì giữa các công trình đó vẫn tồn tại những nhận thức khác nhau thậm chí có một số kiến giải không thoả đáng về nội dung, giá trị lịch sử lẫn ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân tới chủ tịch Hồ Chí Minh. Mặt khác cho đến nay chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách đầy đủ, có hệ thống về ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân đối với lịch sử Việt Nam cận hiện đại. Dựa trên thành quả của những người đi trước cùng với những tư liệu mới được công bố chúng tôi mạnh dạn chọn vấn đề “ Chủ nghĩa Tam dân và ảnh hưởng của nó ở Việt Nam”. Làm đề tài luận văn thạc sĩ của mình.

3- Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

*** Mục đích nghiên cứu**

Trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu của những người đi trước, luận văn cố gắng đạt được các mục đích sau đây:

+ Làm rõ nội dung, giá trị lịch sử và hạn chế của chủ nghĩa Tam dân giúp chúng ta hiểu đúng hơn về nó.

+ Bổ sung và hệ thống hoá lại thật đầy đủ ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân ở Việt Nam.

+ Việc thực hiện luận văn còn nhằm giúp cho tác giả nâng cao nhận thức của mình về lịch sử thế giới, lịch sử Việt Nam cận hiện đại và lịch sử tư tưởng. Việc thực hiện luận văn cũng giúp cho tác giả tập hợp được một nguồn tài liệu khá phong phú phục vụ cho công tác giảng dạy Lịch sử thế giới và Lịch sử Việt Nam cận hiện đại ở Trường Cao đẳng Sư phạm.

*** *Nhiệm vụ nghiên cứu***

Để thực hiện được mục đích trên nhiệm vụ của luận văn là:

+ Nghiên cứu cơ sở hình thành và phát triển của chủ nghĩa Tam dân.

+ Nghiên cứu ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân ở Trung Quốc và đặc biệt đi sâu nghiên cứu ảnh hưởng của nó ở Việt Nam.

4- Phạm vi và đối tượng nghiên cứu

*** *Phạm vi nghiên cứu***

+ Về thời gian: Luận văn nghiên cứu chủ nghĩa Tam dân ở 2 thời kỳ trước và sau cách mạng tháng Mười Nga 1917. Mặt khác luận văn còn đi sâu nghiên cứu ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân đối với Lịch sử Việt Nam thời cận - hiện đại.

+ Về không gian: Luận văn xem xét chủ nghĩa Tam dân và ảnh hưởng của nó ở Trung Quốc và Việt Nam song chủ yếu đi sâu nghiên cứu ảnh hưởng của nó ở Việt Nam.

*** *Đối tượng nghiên cứu***

Luận văn chủ yếu tập trung nghiên cứu về chủ nghĩa Tam dân và ảnh hưởng của nó ở Việt Nam.

5- Nguồn tài liệu

Để thực hiện đề tài chúng tôi dựa trên các nguồn tư liệu sau:

- Các công trình nghiên cứu về Lịch sử thế giới cận - hiện đại, Lịch sử Trung Quốc, Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại.

- Một số sách về lịch sử tư tưởng, tư tưởng dân chủ tư sản, tư tưởng vô sản, đặc biệt là tư tưởng Tôn Trung Sơn, Lê nin, Hồ Chí Minh, Phan Bội Châu.

- Các sách về thể chế chính trị, hiến pháp của Trung Hoa Dân quốc, Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, Việt Nam dân chủ cộng hoà.

- Các công trình chuyên khảo, các bài nghiên cứu đăng trên các tạp chí: Nghiên cứu lịch sử, Nghiên cứu Đông Nam Á, Nghiên cứu Trung Quốc, báo Nhân dân, An ninh thế giới, báo Quốc tế.

6- Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

*** Phương pháp luận**

Luận văn được thực hiện trên cơ sở vận dụng quan điểm phương pháp luận Mác xít - Lê nin nít và tư tưởng Hồ Chí Minh trong nghiên cứu lịch sử.

*** Phương pháp nghiên cứu**

Để thực hiện đề tài chúng tôi, sử dụng phương pháp lịch sử và phương pháp lô gíc là hai phương pháp chủ yếu. Ngoài ra, để hoàn thiện đề tài chúng tôi còn sử dụng một số phương pháp liên quan khác như: phân loại, so sánh, phân tích, tổng hợp.

7- Đóng góp của luận văn

*** Về mặt khoa học**

+ Thông qua việc thực hiện đề tài, luận văn sẽ cung cấp một hệ thống tư liệu khá phong phú về chủ nghĩa Tam dân, quan hệ giữa chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn với Lịch sử Việt Nam ở nửa đầu thế kỷ XX.

+ Đề tài hệ thống hoá lại những vấn đề liên quan đến chủ nghĩa Tam dân trên các phương diện cơ sở hình thành đến quá trình ra đời và phát triển của chủ nghĩa Tam dân cũng như giá trị lịch sử của nó.

+ Đặc biệt luận văn đã trình bày một cách khá đầy đủ, hệ thống về ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân ở Việt Nam.

*** Về mặt thực tiễn**

+ Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể được xem là một trong những cơ sở bước đầu cho việc nghiên cứu tương đối đầy đủ và toàn diện hơn về ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân ở Việt Nam.

Mặt khác từ việc nghiên cứu chủ nghĩa Tam dân, cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Tôn Trung Sơn, tác giả luận văn đã rút ra một số bài học kinh nghiệm là

những gợi ý thiết thực cho công tác nghiên cứu lý luận và hoạt động thực tiễn ở nước ta hiện nay.

8- Bố cục của luận văn

Ngoài mở đầu, kết luận và phụ lục, nội dung của luận văn có 2 chương:

Chương 1. Sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa Tam dân

1.1- Cơ sở hình thành của chủ nghĩa Tam dân

1.1.1- Bối cảnh lịch sử ra đời của chủ nghĩa Tam dân

1.1.2- Nguồn gốc lý luận - tư tưởng

1.2- Quá trình ra đời và phát triển của chủ nghĩa Tam dân.

1.2.1- Tôn Trung Sơn và sự ra đời của chủ nghĩa Tam dân cũ.

1.2.2- Quá trình thực hiện chủ nghĩa Tam dân cũ trong thực tiễn và sự ra đời của chủ nghĩa Tam dân mới

Chương 2. Ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân ở Việt Nam

2.1- Ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân đối với phong trào dân tộc theo khuynh hướng Dân chủ tư sản.

2.1.1- Ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân đối với Phan Bội Châu và phong trào dân tộc do ông lãnh đạo.

2.1.2- Ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân đối với Việt Nam Quốc dân đảng của Nguyễn Thái Học.

2.2- Ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân đối với phong trào dân tộc theo khuynh hướng Vô sản và Lịch sử Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945.

2.2.1- Ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân đối với phong trào dân tộc theo khuynh hướng Vô sản trước Cách mạng tháng Tám 1945.

2.2.2- Ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân đối với Lịch sử Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám 1945.

NỘI DUNG

CHƯƠNG I

SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TAM DÂN

1.1- CƠ SỞ HÌNH THÀNH CỦA CHỦ NGHĨA TAM DÂN

Theo các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê nin thì mọi học thuyết tư tưởng ra đời, một mặt là sự kế thừa những tư tưởng học thuyết trước đó, mặt khác là sự phản ánh nhận thức sáng tạo của một người gắn với phẩm chất nhân cách cá nhân, phản ánh ý chí nguyện vọng của một giai cấp, một dân tộc trong một thời đại nhất định. Do đó sự ra đời chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn cũng không nằm ngoài những cơ sở đó.

1.1.1- Bối cảnh lịch sử

Cuộc đời, sự nghiệp cũng như chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn gắn liền với bối cảnh Lịch sử Thế giới và Trung Quốc ở giai đoạn từ nửa sau thế kỷ XIX và 25 năm đầu thế kỷ XX. Đây là một giai đoạn lịch sử có nhiều biến động to lớn và sâu sắc của Thế giới và Trung Quốc.

Từ các thập kỷ 70, 80 của thế kỷ XIX cho đến đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản phương Tây đã chuyển từ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa tư bản độc quyền hay còn gọi là chủ nghĩa đế quốc. Trong giai đoạn này các nước đế quốc đã đẩy mạnh việc xâm lược, giành giật thị trường thuộc địa, từ đó đặt ách thống trị dưới nhiều hình thức lên hầu hết các nước Á - Phi - Mỹ la tinh. Chính việc giành giật thuộc địa nói trên của chủ nghĩa đế quốc đã làm quan hệ quốc tế lúc này trở nên hết sức căng thẳng phức tạp, làm xuất hiện mâu thuẫn ngày càng gay gắt giữa nhân dân các dân tộc bị áp bức với chủ nghĩa đế quốc thực dân và bọn phong kiến bán xư tay sai của chúng. Mặt khác cuộc tranh giành thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc cũng làm mâu thuẫn giữa các nước đế quốc với nhau trở nên gay gắt. Hệ quả của nó là dẫn đến các cuộc xung đột cục bộ, khu vực và Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) để phân chia lại thế giới.

Trung Quốc là một đất nước rộng lớn có diện tích gần 10 triệu ki lô mét vuông, có dân số đông nhất thế giới. Vốn có lịch sử lâu đời, nhiều thế kỷ đứng ở hàng đầu nền văn minh nhân loại song đến các thế kỷ XVI, XVII, XVIII, khi mà nhiều quốc gia phương Tây có hàng thế kỷ phát triển tư bản chủ nghĩa (TBCN), thì ở Trung Quốc, chế độ phong kiến vẫn tồn tại. Sự trì trệ đó đã làm văn minh Trung Hoa trở nên lạc hậu so với phương Tây, vai trò và vị trí của Trung Quốc trên trường Quốc tế suy giảm nghiêm trọng. Lúc này các nước Tư bản phương Tây không ngừng phát triển và liên tục bành trướng mở rộng thế lực, chiếm đoạt các thị trường, thuộc địa ở Á - Phi - Mỹ la tinh. Sau khi thôn tính các nước ở châu Á như Ấn độ, Mã Lai, In đô nê xia ... các nước đế quốc hướng mục tiêu xâm lược tới Trung Quốc. Đến thế kỷ XIX, đặc biệt là từ đời vua Đạo Quang nhà Thanh (1821 - 1850), Trung Quốc suy yếu đã trở thành miếng mồi hấp dẫn đối với các nước tư bản phương Tây. *"Đứng trước nguy cơ bị xâm lược cũng như nhiều nước phong kiến châu Á khác, Trung Quốc đã thi hành chính sách đóng cửa để tự vệ"*. [48, tr.78]. Chính sách này đã không bảo vệ được Trung Quốc khi mà các nước phương Tây với vũ khí, kỹ thuật tiên tiến, lực lượng quân sự vượt trội quyết tâm *"mở cửa"* Trung Quốc. Bằng cuộc Chiến tranh Thuốc phiện lần thứ nhất (1840 - 1842) thực dân Anh đã buộc triều đình nhà Thanh phải ký kết Điều ước Nam kinh(29-8-1842), mở 5 cửa biển, cắt Hương Cảng và bồi thường cho Anh 29 triệu bảng. Sau Anh, Mỹ cũng gây áp lực buộc nhà Thanh phải ký điều ước tương tự có tên Vọng Hạ (4-1844); Pháp cũng ép nhà Thanh phải ký Hiệp ước Hoàng Phố (10-1844) dành cho Pháp nhiều quyền lợi ở Trung Quốc. Ngoài ra nhà Thanh còn phải ký hàng loạt hiệp ước tương tự với các nước tư bản khác như Bỉ, Hà Lan, Bồ Đào Nha, Thụy Điển, Na uy, Nga ...

Các điều ước nói trên đã đáp ứng một phần nhu cầu thị trường buôn bán có lợi cho các nước đế quốc, đẩy Trung Quốc vào tình trạng phụ thuộc. Trong thời gian tiếp theo các nước Anh, Pháp, Mỹ đua nhau lập tô giới để làm cứ điểm buôn bán và mở rộng xâm lược Trung Quốc. Tại các tô giới các nước đế quốc đã du nhập phương thức sản xuất TBCN vào Trung Quốc, các ngành Công nghiệp nhẹ, đóng tàu, dịch vụ ra đời. Vì buộc phải giảm thuế quan cho hàng hoá nước ngoài mà nguồn thu từ thuế nhập khẩu bị giám sát trong khi phải chi dùng cho nhu cầu xa hoa

của hoàng tộc và còn phải bồi thường chiến phí cho Anh nên nhà Thanh buộc phải tăng mức tô thuế đánh vào nông dân và nhân dân lao động trong nước. Đời sống của nhân dân nhất là nông dân vì thế càng khổ cực, mâu thuẫn giữa nông dân với triều đình nhà Thanh trở nên hết sức gay gắt. Nông dân đã không ngừng nổi dậy khởi nghĩa chống nhà Thanh, và bọn thực dân phương Tây. [18] , [51]. Đỉnh cao của phong trào là khởi nghĩa nông dân Thái Bình Thiên Quốc nổ ra trên khắp 18 tỉnh và kéo dài suốt 14 năm (1851 - 1864). Cuộc khởi nghĩa này đã thể hiện sức mạnh to lớn của giai cấp nông dân Trung Quốc. Tuy vậy Thái Bình Thiên Quốc cũng bộc lộ những hạn chế của giải cấp nông dân và các lãnh tụ phong trào. Do mâu thuẫn trong nội bộ sau khi giành được một số thắng lợi các lãnh tụ nghĩa quân đi vào phong kiến hoá, tranh giành quyền lực tự làm suy yếu phong trào. Mặt khác Thái Bình Thiên Quốc lại cùng một lúc phải chống chọi với hai kẻ thù là phong kiến và đế quốc cấu kết với nhau nên cuối cùng bị thất bại.

Đứng trước những thất bại trong các cuộc chiến tranh thuộc phiên lại được tận mắt chứng kiến sự lợi hại của vũ khí phương Tây, một bộ phận quan lại cao cấp trong triều đình nhà Thanh đã thấy rõ nguy cơ đối với dân tộc. Nên họ đã khởi xướng phong trào Dương Vụ vào những năm 60 của thế kỉ XIX. Dịch Hân, Tăng Quốc Phiên, Lý Hồng Chương đã khởi xướng phong trào Dương Vụ, thi hành một số cải cách về quân sự và kinh tế, hiện đại hoá để tự cường nhằm có đủ sức mạnh để chống lại sự xâm lược của phương Tây và duy trì chế độ phong kiến Mãn Thanh (*Sự di chi trường kỹ dĩ chế di - học sở trường của phương Tây để chống lại phương Tây*) [14].

Thấy được sự ê hèn bạc nhược của nhà Thanh nên từ cuối những năm 60, 70 của thế kỷ XIX, các nước đế quốc Anh, Mỹ, Nhật, Nga đã tiến hành nhiều cuộc chiến tranh xâm lược tại các vùng biên giới phía đông và tây nam của Trung Quốc [51].

Cuộc chiến tranh Pháp - Trung (1884 - 1885) đã dẫn tới việc nhà Thanh phải ký thêm với Pháp Điều ước Thiên Tân (1885) thừa nhận quyền bảo hộ của Pháp ở Việt Nam, mở thêm cửa biển và cho Pháp xây dựng đường sắt vào miền Hoa Nam.

Năm 1894 Nhật đã tiến hành một cuộc chiến tranh qui mô lớn đánh chìm hạm đội Bắc Dương mà Trung Quốc đã dốc sức huấn luyện và trang bị vũ khí kỹ chiến thuật của phương Tây. Lý Hồng Chương buộc phải tuyên bố phong trào Dương Vụ phá sản. Nhật đã buộc Trung Quốc phải ký Điều ước Mã Quan (1895) hết sức nhục nhã, dành cho Nhật rất nhiều quyền lợi. Tình hình đó làm các nước đế quốc khác hết sức lo lắng nên họ đã đẩy mạnh việc xâm lược và tranh giành phạm vi thế lực ở Trung Quốc [14], [32]. Sau cuộc chiến tranh Trung - Nhật này các nước đế quốc càng điên cuồng chia cắt Trung Quốc. Riêng Mỹ do bận chiến tranh với Tây Ban Nha để cướp đoạt Phi líp pin và Cu ba không tham gia phân chia Trung Quốc được vì thế năm 1899 Mỹ đề ra chính sách “mở cửa ” mà thực chất là chen chân vào nội địa Trung Quốc.

“Trước sự tăng cường xâm xé của các nước đế quốc, Trung Quốc ngày càng rơi xuống vũng bùn của chế độ nô dịch ” [51, tr.349]. Nguyên nhân dẫn tới tình trạng này là do thái độ nhu nhược đón hèn và ích kỷ vì quyền lợi giai cấp của bọn phong kiến Mãn Thanh. Sự bất bình của các tầng lớp nhân dân Trung Quốc đã làm bùng nổ các cuộc đấu tranh và sự ra đời của phong trào cải cách với tên gọi Biến Pháp Duy Tân năm 1898, do Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu khởi xướng. Phong trào này chủ trương cải cách từ trên xuống bằng cách dựa vào vua Quang Tự là người không nắm thực quyền nên cuộc Biến Pháp Duy Tân chỉ tồn tại được 103 ngày thì bị phái phong kiến thủ cựu do Từ Hy Thái hậu cầm đầu thủ tiêu. Phong trào Duy Tân thất bại vì phái này là đại diện cho tầng lớp tư sản tự do mới từ địa chủ quan liêu chuyên hoá thành, cơ sở xã hội nhỏ bé lại không biết dựa vào lực lượng quần chúng nhân dân để tiến hành cải cách. Mặc dù bị thất bại phong trào Duy Tân đã truyền bá rộng rãi trong xã hội Trung Quốc tư tưởng dân chủ tư sản và đã phá mạnh mẽ tư tưởng phong kiến lỗi thời phản động. Mặt khác nó còn ảnh hưởng tới các nước láng giềng trong đó có Việt Nam.

Trong 5 năm cuối của thế kỷ XIX, nhân dân Trung Quốc căm phẫn trước việc đất nước bị các nước đế quốc xâm xé đã tự động nổi dậy đấu tranh chống đế quốc khắp nơi, tiêu biểu là cuộc đấu tranh của nông dân vùng Trực Lệ, Sơn Đông do Nghĩa hoà đoàn lãnh đạo. Đây cũng là một phong trào nông dân to lớn khiến các

nước đế quốc hoảng sợ. Chúng phải dùng lực lượng liên quân kết hợp với nhà Thanh để đàn áp Nghĩa hoà đoàn. Sau sự kiện này các nước đế quốc lại buộc nhà Thanh phải ký gởi thêm điều ước Tân Sửu (1901) đẩy Trung Quốc lún sâu vào địa vị nửa thuộc địa. Điều ước Tân Sửu đã phơi bày hết bộ mặt thối nát, uơ hèn, bán nước của nhà Thanh, khiến cho nhân dân Trung Quốc trong nước lẫn Hoa Kiều ở nước ngoài vô cùng căm phẫn. Sau khi quy phục nhà Thanh các nước đế quốc tha hồ can thiệp vào nội chính và kinh tế của Trung Quốc. Bọn chúng không chỉ mượn tay nhà Thanh để bóc lột nhân dân Trung Quốc (bằng tiền bồi thường chiến phí) mà còn xây dựng các công xưởng, xí nghiệp, mở ngân hàng, giành quyền xây dựng đường sắt, khai thác hầm mỏ trên đất Trung Quốc. Bằng cách cho vay tiền các nước đế quốc đã tăng cường đầu tư để nắm chặt nền kinh tế, tài chính của Trung Quốc.

Sự đầu tư của các nước đế quốc (*dù nằm ngoài ý muốn*) vẫn kích thích CNTB Trung Quốc phát triển trên một chừng mực nhất định. Song nhìn tổng thể, thì công nghiệp Trung Quốc vẫn ở qui mô nhỏ, ít vốn, phát triển què quặt, phụ thuộc vào tư bản nước ngoài. Sản phẩm công nghiệp chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân, quan hệ sản xuất phong kiến vẫn giữ địa vị chủ đạo. Theo đà phát triển TBCN dân tộc, giai cấp tư sản Trung Quốc tuy nhỏ bé nhưng là giai cấp đại biểu cho phương thức sản xuất mới đã hình thành. Giai cấp tư sản dân tộc vừa chịu áp bức của đế quốc, phong kiến lại có mối liên hệ dây mơ rễ má với chúng. Bộ phận lớp trên của giai cấp tư sản dân tộc mang nặng tính phong kiến và nhu nhược, bảo thủ về chính trị. Trong khi đó bộ phận lớp giữa và dưới ít phong kiến hơn, lại có yêu cầu cách mạng mạnh mẽ. Đồng thời do việc cử người du học, tổ chức tân học và xuất bản các sách báo tân học mà ở Trung Quốc đã xuất hiện một tầng lớp trí thức mới. Nhiều người trong số họ khá nhạy cảm về chính trị, tràn đầy nhiệt tình yêu nước, lại có trí thức khoa học văn hoá cận đại, dễ tiếp thu và hình thành tư tưởng dân chủ. Phái tư sản cách mạng ban đầu chủ yếu nảy sinh trong đám trí thức kiểu mới đó. Tôn Trung Sơn là nhân vật tiêu biểu nhất của phái tư sản cách mạng này [6].

Cùng với sự phát triển của CNTB ở Trung Quốc giai cấp vô sản cũng ra đời và lớn mạnh dần, họ đã sớm tham gia các cuộc đấu tranh cách mạng. Tuy nhiên

nhìn chung giai cấp vô sản Trung Quốc đến đầu thế kỷ XX vẫn còn non yếu, chưa đủ sức để gánh vác sứ mệnh lãnh đạo cách mạng [48].

Là nước nông nghiệp, đến đầu thế kỷ XX, nông dân Trung Quốc vẫn chiếm tới 85% dân số. Theo Hồ Chí Minh thì nông dân Trung Quốc có thể chia làm 4 hạng: " *Địa chủ hạng lớn, địa chủ hạng vừa, người có ít ruộng, Bàn nông và cổ nông*" [43, tr.231].

Trong nước có từ 250 tới 300 đại địa chủ họ có trên 10.000 mẫu ruộng đất, phần nhiều là quan to và quý tộc. Chừng độ 30.000 địa chủ hạng vừa có trên 1000 mẫu và 300.000 địa chủ có trên 100 mẫu. Những người sở hữu nhỏ có từ 10 đến 100 mẫu thì khá phức tạp và thay đổi luôn. Cũng với số diện tích đó nếu nhà neo người họ phải thuê thêm người làm thì trở thành kẻ bóc lột, nhưng nếu nhà đông người làm thì ngoài ruộng của mình họ còn buộc phải đi cấy rẽ nên trở thành người bị bóc lột. Bàn nông và cổ nông là những người nghèo ít ruộng hoặc không có ruộng phải đi cày thuê, cấy rẽ trở thành tá điền, họ phải nộp cho chủ đất từ 40 đến 50% sản lượng thu hoạch [43]. Do nạn bao chiếm ruộng đất của địa chủ, quan lại và việc cướp đoạt ruộng đất làm đồn điền, xây dựng đường sắt, khai mỏ của bọn thực dân mà nhiều nông dân bị tước đoạt, mất hết ruộng đất, thậm chí không có lấy một miếng đất để cắm dùi nữa, họ chỉ có hai cánh tay. Muốn kiếm lấy bát cơm họ phải đi ở hoặc đi làm mùa [43].

Mặt khác tô thuế, lao dịch phong kiến rất nặng nề đổ lên đầu người nông dân và thợ thủ công. Đó là chưa kể nạn tham quan ô lại hoành hành; thiên tai, mất mùa xảy ra thường xuyên đã làm cho phần lớn nông dân nghèo lâm vào cảnh đói khổ cùng cực. Ruộng đất của họ bị quan lại, địa chủ, tư bản nước ngoài tước đoạt nên lâm vào phá sản không có một tấc đất để cắm dùi. Nông dân đã nhiều lần nổi dậy khởi nghĩa song đều bị triều đình nhà Thanh đàn áp đẫm máu. Tình cảnh người dân Trung Quốc được phản ánh rõ nét qua tuyên ngôn của Hưng Trung hội (tháng 2-1895): "*Triều đình thì bán quan bán tước, công nhiên ăn hối lộ, quan lại thì bóc lột, đàn áp dân đê c ác hơn cả lang hổ. Giặc giã hoành hành đói rét liên tiếp, nhân dân bơ vơ, cuộc sống vô cùng thảm hại*" [65, tr.43].

Mâu thuẫn giữa nông dân nghèo và nhân dân lao động đối với bọn vua quan, địa chủ và thực dân đế quốc càng trở nên sâu sắc. Yêu cầu về ruộng đất và một cuộc sống đúng nghĩa con người lúc này trở thành khát vọng cao cả thiêng liêng của quần chúng nhân dân lao động Trung Quốc.

Như vậy các yêu cầu về dân tộc, dân chủ và dân sinh đã trở thành những nhiệm vụ bức xúc của Lịch sử Trung Hoa cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX; nó là cơ sở hiện thực cho sự xuất hiện của vĩ nhân Tôn Trung Sơn và sự ra đời của chủ nghĩa Tam dân.

1.1.2- Cơ sở lý luận - tư tưởng

Về mặt lý luận cần khẳng định rằng chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn đã kế thừa và tiếp thu có phê phán các học thuyết lý luận về tư tưởng, triết học, kinh tế chính trị học trước đó. Điều này đã được chính Ông thừa nhận trong nội dung của chủ nghĩa Dân quyền: " ... Bây giờ chúng ta phải tập hợp tinh hoa trong và ngoài nước, phòng ngừa mọi lệch lạc ... thì mới có thể xây dựng quốc gia dân giàu, dân trị, dân hưởng [58, tr.311].

Về mặt tư tưởng trước hết chủ nghĩa Tam dân đã kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc Trung Hoa. Truyền thống nhân ái, chủ nghĩa Nhân văn cao cả của dân tộc Trung Hoa thấm đẫm và bao trùm lên nội dung của chủ nghĩa Tam dân. Việc sáng tạo ra chủ nghĩa Tam dân, của Tôn Trung Sơn là nhằm đạt được "*m' t nước Trung Hoa dân hữu, dân trị, dân hưởng*" nghĩa là nhân dân cộng hữu quốc gia, nhân dân cộng quản chính trị, nhân dân cộng hưởng lợi ích " [58, tr.369].

Đề ra chủ nghĩa Dân quyền, Tôn Trung Sơn nhằm thực hiện "*m' t nền chính trị toàn dân*". Nó là thể hiện lòng nhân ái, yêu thương và tôn trọng nhân dân được kế thừa từ tư tưởng thương dân hình thành từ thời công xã nguyên thủy, được phản ánh qua đạo đức của các đấng minh quân Nghiêu, Thuần, Vũ ... Đồng thời nó đã được Mạnh Tử đúc kết lại thành một mệnh đề nổi tiếng "*Dân vi quý, xã tắc thứ chi, Quân vi khinh*" có nghĩa là "*Dân là quý, xã tắc hàng thứ sau dân, Vua là nhẹ*" [27, tr.437].

Sự tiếp thu có phê phán từ truyền thống dân tộc của Tôn Trung Sơn còn được thể hiện trong chủ nghĩa Dân quyền, qua việc xây dựng thiết chế "*Ngũ quyền phân*

lập” để xây dựng một thể chế chính trị mới mà mọi quyền bình đều là của chung (của dân do dân và vì dân). Tôn Trung Sơn đã tiếp thu có chọn lọc từ chính thể quân chủ truyền thống Trung Hoa hai thứ quyền là “*giám sát*” và “*khảo thí*” để tích hợp với “Tam quyền phân lập” của phương Tây mà hình thành nên “*Hiếp pháp Ngũ quyền phân lập*”, điều này thể hiện sự kế thừa sáng tạo của Tôn Trung Sơn. Ông đã loại bỏ “*Vương quyền*” đầy hạn chế để tiếp thu những tinh hoa dân chủ trong chính thể này. Mặt khác việc tiếp thu 2 thứ quyền “*Khảo thí*” và “*Giám sát*” Tôn Trung Sơn đã không rập khuôn mà phát triển nó lên cho phù hợp với hoàn cảnh mới, để thiết lập hai cơ quan độc lập này trong hệ thống năm cơ quan Nhà nước.

Quyền Giám sát và Khảo thí là hai lĩnh vực ưu điểm của bộ máy quyền lực Quân chủ truyền thống Trung Hoa, nó thực sự hữu ích trong quản lý xã hội. Trong chủ nghĩa Dân sinh, Tôn Trung Sơn đã kế thừa và phát triển tư tưởng “*Bình quân địa quyền*” của Thái Bình Thiên Quốc lên một trình độ mới có tham khảo thuyết kinh tế của Hăng ri Giooc giơ. Bằng những biện pháp kinh tế khéo léo và tuần tự Tôn Trung Sơn chủ trương giải quyết vấn đề ruộng đất nhằm tới mục tiêu “người cày có ruộng” một cách ôn hoà.

Thứ hai chủ nghĩa Tam Dân đã kế thừa và tiếp thu có phê phán các học thuyết chính trị tư tưởng dân chủ tư sản Âu - Mỹ, nó được thể hiện trong chủ nghĩa Tam dân. Trong chủ nghĩa Dân quyền, Tôn Trung Sơn đã tiếp thu có phê phán tư tưởng “Tam quyền phân lập” của Mông-te-xki-ơ, để sáng tạo nên “*Hiếp pháp Ngũ quyền*” nhằm xây dựng “*cơ quan chính trị Dân quyền hoàn hảo*”. Tôn Trung Sơn giải thích rằng phải tổ chức cơ cấu chính trị “*Ngũ quyền phân lập*” là vì “*gần đây nước ngoài thi hành “Tam quyền phân lập”, cũng nhiều bết tắc. Bây giờ chúng ta tập hợp tinh hoa của trong và ngoài nước, phòng ngừa mọi lệch lạc, nên áp dụng quyền hành chính, quyền lập pháp, quyền tư pháp của nước ngoài*” [58, tr.311], thêm vào quyền “*khảo thí*”, quyền “*giám sát*” của Trung Quốc kết thành một hoàn bích (*hoàn mỹ không khuyết điểm*) thật tốt, tạo thành một chính phủ “*Ngũ quyền phân lập*” (...) có chính phủ tốt đẹp như thế thì mới có thể xây dựng quốc gia dân giàu, dân trị, dân hưởng ” [58, tr.311]. Mặt khác chủ nghĩa dân quyền còn tiếp thu tư tưởng “*chủ quyền thứ c về nhân dân và tư tưởng quyền lực nhân dân trực tiếp*” [16, tr.191].

Cơ sở lý luận tư tưởng thứ ba được Tôn Trung Sơn kế thừa đó là CNXH khoa học của C.Mác và Chủ nghĩa Dân tộc của V.I. Lê nin, cùng với tư tưởng về tiến hoá xã hội của Hăng ri Giooc giơ và Mo-ri-xơ Uy-li-am. Đó là những tiền đề lý luận mà Tôn Trung Sơn tiếp thu để xây dựng chủ nghĩa Dân sinh, bổ sung, hoàn thiện chủ nghĩa Dân tộc trong chủ nghĩa Tam dân mới.

Tôn Trung Sơn đã nghiên cứu khá kỹ chủ nghĩa Mác (lúc ở Anh và tham dự hội thảo tại Bỉ và Đức). Bên cạnh một số điểm không nhất trí thì ông cũng thừa nhận giá trị và đóng góp vĩ đại của Mác. Trong chủ nghĩa Dân sinh Tôn Trung Sơn khẳng định: *"Marx đã dùng thông minh tài trí và kinh nghiệm học vấn để nghiên cứu thấu triệt vấn đề này (Những vấn đề xã hội tiêu cực do cách mạng công nghiệp tạo ra), nên đã phát minh thông suốt vấn đề mà cổ nhân không biết, không thể giải quyết "* [58, tr.323]. Ông kết luận: *" Có thể nói loại nguyên tắc giải quyết vấn đề xã hội này phải hoàn toàn căn cứ vào thực tế, không ảo tưởng. Có thể nói trước tác của Marx, phát minh của Marx là tập đại thành của tư tưởng nhân loại mấy nghìn năm nay "* [58, tr.323].

Việc tiếp thu tư tưởng CNXH dân chủ được biểu hiện trong chủ nghĩa Dân sinh của Tôn Trung Sơn khá rõ. Ông cho rằng *"đấu tranh giai cấp là bệnh trạng của xã hội"* còn *"nhân loại mưu cầu sinh tồn mới là nguyên nhân của tiến hoá xã hội"* [58, tr.333]. Theo Tôn Trung Sơn *"phát minh của vị học giả người Mỹ về nhân loại mưu cầu sinh tồn mới là định luật của tiến hoá xã hội, là trọng tâm của lịch sử. Nhân loại mưu cầu sinh tồn là ... vấn đề dân sinh. Do vậy có thể nói dân sinh mới là nguyên động lực của tiến hoá xã hội ..."* [58, tr.335]. Đây là điểm Tôn Trung Sơn chịu ảnh hưởng tư tưởng của Mo-ri-xơ Uy-li-am. Mặt khác thực hiện tư tưởng *"bình quân địa quyền"* thông qua việc chuyển nhượng địa tô cho Nhà nước bằng thứ thuế sau khi ruộng đất đã tăng giá là biểu hiện ảnh hưởng tư tưởng XHCN tiểu tư sản của Hăng ri Giooc giơ. Tôn Trung Sơn còn chủ trương điều hoà lợi ích kinh tế để loại trừ mâu thuẫn giai cấp trong xã hội. Trong chủ nghĩa Dân sinh tư tưởng XHCN dân chủ còn biểu hiện ở chủ trương *"tiết chế tư bản"* để ngăn ngừa cuộc cách mạng xã hội mà ông cho là tổn hại đến nguyên khí của quốc dân.

Bằng trải nghiệm thực tiễn những thất bại trong quá trình lãnh đạo cách mạng Trung Quốc những năm sau Cách mạng Tân Hợi, lại được sự giúp đỡ của các cố vấn của Quốc tế cộng sản và các Đảng viên Cộng sản Trung Quốc, Tôn Trung Sơn đã sửa đổi, bổ sung và giải thích lại chủ nghĩa Tam dân mang tính cách mạng triệt để hơn, chủ nghĩa Dân tộc đã thay đổi mang tính cách mạng và chống đế quốc. Trong nội dung chủ nghĩa Dân tộc Tôn Trung Sơn còn tiếp thu quan điểm: “*Vô sản các nước và các dân tộc liên hiệp lại*”, đây là quan điểm về chủ nghĩa Dân tộc của Lê nin. Năm 1924, trong chủ nghĩa Dân tộc, Ông chủ trương thực hiện bình đẳng giữa các dân tộc trên lãnh thổ Trung Quốc và chống lại sự xâm lược của các nước đế quốc, huỷ bỏ các hiệp ước bất bình đẳng mà nhà Thanh đã ký trước đây. Sau khi Trung Quốc cường thịnh lên “*khôi phục địa vị của dân tộc rồi thì còn phải chịu trách nhiệm lớn trước thế giới ... đó là chúng ta phải giúp đỡ các dân tộc nhược tiểu chống lại các cường quốc trên thế giới*” [58, tr.160].

Trong chủ nghĩa Dân sinh Tôn Trung Sơn chủ trương phát triển tư bản Nhà nước hạn chế sự phát triển của tư bản Tư nhân. Ông cũng chủ trương sử dụng vốn của nước ngoài để phát triển công nghiệp Trung Quốc và thuê chuyên gia nước ngoài để công nghiệp hoá và kinh doanh các ngành giao thông vận tải, khai khoáng và công nghiệp. Tôn Trung Sơn viết: “*Chúng ta phải dùng nguồn vốn của tư bản nước ngoài để xây dựng - xã hội công sản tương lai ở Trung Quốc, làm như thế là “Làm mới được mười” ... Vì thế không thể không vay tiền nước ngoài để phát triển sự nghiệp giao thông vận tải và cũng không thể không thuê nhân tài nước ngoài có học vấn và kinh nghiệm để kinh doanh các sự nghiệp này*” [58, tr.368].

Như vậy, tư tưởng về tiết chế tư bản và phát triển tư bản Nhà nước của Tôn Trung Sơn trong chủ nghĩa Dân sinh có sự gặp gỡ với Chính sách Kinh tế mới (NEP) của Lê nin cũng như mô hình kinh tế thời kỳ quá độ lên CNXH ở Trung Quốc và Việt Nam đã và đang thực hiện.

1.2- QUÁ TRÌNH RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TAM DÂN

1.2.1- Tôn Trung Sơn và sự ra đời của chủ nghĩa Tam dân cũ

a) Vài nét về cuộc đời và sự nghiệp của Tôn Trung Sơn (1866 - 1925)

Tôn Trung Sơn tên là Văn, thuở nhỏ có tên là Đê Tượng tự Đức Minh, hiệu là Nhật Tân, năm 1886 đổi hiệu là Dật Trên. Năm 1897, ông tới Nhật Bản lấy tên là Trung Sơn tiều, từ đó về sau ông thường được mọi người gọi là Tôn Trung Sơn hay là Trung Sơn tiên sinh.

Tôn Trung Sơn sinh ngày 12 tháng 11 năm 1866, tại thôn Thuý Hạnh, huyện Hương Sơn (nay là huyện Trung Sơn) tỉnh Quảng Đông. Sinh ra trong một gia đình nhiều đời là nông dân nghèo do đó ông sớm tham gia lao động, biết và thông cảm với nỗi khổ cực của nhân dân lao động nên ở ông đã hình thành lòng thương dân sâu sắc. Năm 7 tuổi Tôn Trung Sơn bắt đầu đi học ở một trường tư thực nơi quê nhà. Lớn lên trên mảnh đất giàu truyền thống đấu tranh bất khuất chống áp bức, ông lại thường được người thân kể cho nghe những chuyện về Lâm Tắc Từ chống Anh, Hồng Tú Toàn khởi nghĩa chống nhà Thanh. Vì vậy, Tôn Trung Sơn rất căm ghét triều đình Mãn Thanh hủ bại tác án. Năm 1879, Tôn Trung Sơn tới Hawaii sống với người anh cả là Tôn My đang kinh doanh ở đó. Ông được anh trai xin cho vào học tại trường Lô-la-li - một trường do Giáo hội Anh thành lập. Sau khi tốt nghiệp xuất sắc bậc trung học tại Hawaii, ông về nước. Từ năm 1884 đến 1885, chiến tranh Trung - Pháp diễn ra; kết quả là nhà Thanh buộc phải ký với Pháp điều ước Thiên Tân nhục nhã. Sự kiện này đã kích thích nhiệt tình yêu nước, cứu nguy Trung Quốc của Tôn Trung Sơn. Từ năm 1886 đến 1892 ông đến học nghề Y tại Quảng Châu và Hồng Kông. Trong quá trình học nghề Tôn Trung Sơn đã kết hợp tuyên truyền cách mạng, liên kết bạn bè cùng chí hướng, tập hợp lực lượng cho tổ chức cách mạng sau này. Sau khi tốt nghiệp Tôn Trung Sơn đến hành nghề chữa bệnh ở Ma Cao rồi Quảng Châu. Vì việc kiếm tiền không phải là mục đích của Tôn Trung Sơn nên chẳng bao lâu ông bỏ nghề và lao vào hoạt động cách mạng chuyên nghiệp, tìm phương cứu nước. Năm 1894, Tôn Trung Sơn tới Bắc Kinh để khảo sát tình hình triều đình nhà Thanh. Khi tới Bắc Kinh, ông đã gửi cho Lý Hồng Chương (một đại

thần có thể lực trong triều), một lá thư với những đề nghị cải cách về chính trị, kỹ thuật và giáo dục. Đề nghị cải cách này bị từ chối càng khiến Tôn Trung Sơn nung nấu thêm quyết tâm lật đổ nhà Thanh. Sự từ chối đề nghị cải cách và những thất bại, uơon hèn của nhà Thanh trong chiến tranh Trung - Nhật đã phơi bày bộ mặt thối nát hũ bại của nó trước nhân quan chính trị của Tôn Trung Sơn. Với thiên tư sắc sảo Tôn Trung Sơn đã vượt lên trên tư tưởng của các trí thức yêu nước Trung Quốc lúc bấy giờ và trở thành nhà cách mạng dân chủ đầu tiên trong lịch sử Trung Hoa cận đại. Tháng 1-1894, ông tới Hô nu lu lu (Hawaii) vận động Hoa kiều và sáng lập ra Hưng Trung hội - tổ chức cách mạng đầu tiên của giai cấp tư sản Trung Quốc. Năm 1895, ông về nước thành lập cơ quan Tổng bộ của Hưng Trung hội ở Hương Cảng. Để tuyên truyền và phát triển lực lượng, Hưng Trung hội công bố tuyên ngôn với tôn chỉ: "Đánh đổ Mãn Thanh, khôi phục Trung Quốc, thành lập chính phủ hợp chủng" (tức là chính phủ dân chủ); đây là "cái phôi đầu tiên của Chủ nghĩa Tam dân". Sau hơn nửa năm chuẩn bị Tôn Trung Sơn đã lãnh đạo Hưng Trung hội tiến hành cuộc khởi nghĩa đầu tiên tại Quảng Châu. do việc vận chuyển vũ khí bị lộ nên cuộc khởi nghĩa Quảng Châu (9-9-1895) của Hưng Trung hội bị thất bại, Tôn Trung Sơn bị nhà Thanh lùng bắt nên ông phải lưu vong ra nước ngoài. Cuối năm 1895, ông đến Nhật và thành lập Hưng Trung hội ở Yôlôshi. Năm 1896, Tôn Trung Sơn qua Hawaii và Mỹ vận động cách mạng trong Hoa kiều, song số người hưởng ứng rất ít do đó ông bèn sang Anh. Vừa tới Luân Đôn, Tôn Trung Sơn đã bị sứ quán nhà Thanh tại Anh bắt giam. May nhờ thầy giáo cũ là J.Cantlie hết lòng cứu giúp mà ông được trả tự do. Sau khi thoát nạn, Tôn Trung Sơn lưu lại Anh để khảo sát tình hình chính trị, xã hội của Anh rồi tới thư viện quốc gia để nghiên cứu. Các tác phẩm về chính trị, tư tưởng, triết học, lịch sử, kinh tế, pháp luật... của các học giả nổi tiếng ông đều không bỏ sót. "Dân ước luận" của Montes Quieu, thuyết "Dân trị" của Lin Coln, Chủ nghĩa xã hội khoa học của K.Marx, "Tiến bộ và đói nghèo" của henlly Goerge... Tôn Trung Sơn đều nghiên cứu rất kỹ. Tháng 7-1897, Tôn Trung Sơn trở lại Nhật Bản, từ 1897 đến 1899, ông hoạt động tuyên truyền cách mạng trong Hoa kiều và lưu học sinh Trung Quốc tại Nhật. Năm 1900 nhân phong trào Nghĩa Hòa đoàn lên cao ở Trung Quốc, Tôn Trung Sơn bí mật về nước và lãnh đạo

Hung Trung hội phát động cuộc khởi nghĩa ở Huệ Châu. Do không chuẩn bị chu đáo và thiếu vũ khí nên mặc dù thu được một số thắng lợi ban đầu nhưng cuối cùng cũng thất bại. Tuy thất bại nhưng khác với lần trước cuộc khởi nghĩa Huệ Châu đã tạo được tiếng vang lớn và có ảnh hưởng tốt đến việc mở rộng và phát triển lực lượng của Hung Trung hội ở cả trong và ngoài Trung Quốc. Sau khi đàn áp Nghĩa Hòa đoàn bộ mặt đê hèn tráo trở và phản động của nhà Thanh càng lộ rõ. Mặt khác nhà Thanh lại tiếp tục ký với các nước đế quốc thêm điều ước Tân Sửu (1901) dâng thêm chủ quyền của Trung Quốc cho bọn xâm lược. Từ 1901 đến 1905, phong trào đấu tranh chống nhà Thanh và các nước đế quốc lên cao chưa từng có. Bên cạnh Hung Trung hội một số tổ chức cách mạng khác của giai cấp tư sản Trung Quốc là Hoa Hưng hội và Quang phục hội lần lượt ra đời. Tôn Trung Sơn tiếp tục bốn ba hải ngoại để vận động cách mạng ở Nhật, Việt Nam, Thái Lan, Mỹ. Sau đó ông tới các nước Bỉ, Pháp, Đức thành lập các đoàn thể cách mạng trong lưu học sinh Trung Quốc. Tháng 8-1905, Tôn Trung Sơn đã chủ trì hội nghị thống nhất ba tổ chức: Hung Trung hội, Hoa Hưng hội và Quang Phục hội thành "Trung Quốc cách mạng Đồng Minh hội" (gọi tắt là Đồng Minh hội) ở Tôkiô. Tại Hội nghị này các đại biểu đã nhất trí bầu Tôn Trung Sơn làm Tổng lý (Chủ tịch đảng) và thông qua cương lĩnh 16 chữ của Đồng Minh hội: "Đánh đuổi Mãn Thanh, khôi phục Trung Quốc, thành lập Dân Quốc, bình quân địa quyền". Đây là cương lĩnh khá hoàn chỉnh và tiến bộ của cách mạng tư sản Trung Quốc trong điều kiện lịch sử lúc bấy giờ. Tháng 11-1905 trong lời tựa của tờ Dân báo (cơ quan ngôn luận của Đồng Minh hội) số đầu tiên, Tôn Trung Sơn đã công bố chủ nghĩa Tam dân làm phương hướng hành động của Đồng Minh hội - vậy là **chủ nghĩa Tam dân cũ** đã ra đời.

b) Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Tam dân cũ

** Chủ nghĩa Dân tộc (CNDT)*

Tôn Trung Sơn viết: "Tôi dựa vào sự tiến hoá của Âu - Mỹ đưa ra ba chủ nghĩa lớn: Dân tộc, Dân quyền, Dân sinh. sự suy tàn của đế quốc La mã dẫn đến Chủ nghĩa Dân tộc hưng thịnh, còn các nước châu Âu thì độc lập... Ngày nay Trung Quốc vẫn chưa thoát khỏi nạn độc chuyên chế hàng ngàn năm, để dân tộc khác đến

tàn phá, ngoại bang ức hiếp, thực hiện chủ nghĩa Dân tộc, chủ nghĩa Dân quyền là không thể chậm trễ..." [52, tr.180-181].

Ngày 2-12-1906 tại cuộc họp kỷ niệm một năm phát hành tờ Dân báo, Tôn Trung Sơn giải thích: "Chủ nghĩa Dân tộc không phải đối xử không tốt với người khác chủng tộc; không cho phép người khác chủng tộc cướp đi chính quyền của dân tộc ta. Người Hán chúng ta phải có chính quyền mới là có nước, nếu chính quyền bị người khác chủng tộc nắm giữ, như thế là có nước nhưng đã không còn là nước của người Hán... Tôi nghe có người nói rằng, cách mạng Dân tộc là tiêu diệt sạch dân tộc Mãn Châu, những lời này là rất sai lầm. Nguyên nhân của cách mạng dân tộc là không cam chịu để người Mãn Châu tiêu diệt đất nước chúng ta, làm chủ nền chính trị của chúng ta, nhất định chúng ta không hề hận thù người Mãn Châu mà chỉ hận thù người Mãn Châu làm hại đất nước" [52, tr.182].

Tóm lại cốt lõi của chủ nghĩa Dân tộc là Tôn Trung Sơn chủ trương làm cách mạng đánh đuổi chính phủ phong kiến Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa chứ không hề có tư tưởng trả thù người Mãn Châu. Không những thế, Tôn Trung Sơn còn phản đối tư tưởng trả thù dân tộc của một số người Hán.

Về chủ nghĩa Dân tộc trong chủ nghĩa Tam dân cũ đã từng có những ý kiến phê phán là "quá chú trọng vào đấu tranh chủng tộc mà tránh đi nhiệm vụ chủ yếu là chống đế quốc". Quan điểm của chúng tôi là việc đánh giá như vậy có phần quá khắc khe. Bởi vì xã hội Trung Quốc cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX mới chỉ là xã hội phong kiến nửa thuộc địa. Chủ nghĩa đế quốc không thiết lập được ách cai trị trực trị ở Trung Quốc giống như ở Đông Dương, Ấn Độ, Malaixia, Indonexia. Ở Trung Quốc chủ nghĩa đế quốc chủ yếu cai trị và bóc lột gián tiếp qua thế lực phong kiến Mãn Thanh. Do đó mâu thuẫn gay gắt, cơ bản và trực tiếp nhất là giữa toàn thể nhân dân Trung Quốc với triều đình phong kiến nhà Thanh. Nhà Thanh là chướng ngại lớn nhất trên con đường phục hưng và phát triển của Trung Quốc lúc bấy giờ. Mặt khác, chúng ta cũng dễ dàng thấy rằng vào thời điểm này Tôn Trung Sơn cũng bộc lộ sự mơ hồ về bản chất của chủ nghĩa đế quốc cho nên ông đã ảo tưởng tìm kiếm sự giúp đỡ hoặc kêu gọi các nước đế quốc ủng hộ cách mạng Trung Quốc. Tuy nhiên cũng cần xác định rằng, hạn chế này của Tôn Trung Sơn lúc đó là khó

tránh khỏi vì chủ nghĩa đế quốc đang trong quá trình hình thành và phát triển chưa bộc lộ hết bản chất. Do sự mơ hồ này mà trong chủ nghĩa Tam dân cũng như trong quá trình tiến hành cách mạng Tân Hợi, Tôn Trung Sơn đã không trực tiếp đề cập đến việc đấu tranh với các nước đế quốc đang xâm xé Trung Quốc, thậm chí còn tìm cách tranh thủ chúng bằng việc ra tuyên bố "tất cả các điều ước các nước đã ký với chính phủ Mãn Thanh trước cách mạng Dân Quốc đến nay đều có hiệu lực cho đến khi điều ước hết hạn..." [52, tr.259].

*** Chủ nghĩa Dân quyền**

Về chủ nghĩa Dân quyền, Tôn Trung Sơn phát biểu: Chủ nghĩa Dân quyền - cái gốc của cách mạng chính trị. Hàng ngàn năm nay Trung Quốc đều là chính thể chuyên chế quân chủ, loại chính thể không phải là của quốc dân được tự do bình đẳng. Muốn loại bỏ chính thể đó không phải chỉ dựa vào cách mạng Dân tộc là thành công... Chúng ta lật đổ chính phủ Mãn Thanh, về mặt đánh đuổi người mãn là cách mạng Dân tộc. Về mặt lật đổ chính thể quân chủ là cách mạng chính trị, không phải chia làm hai lần. Nói đến kết quả của cách mạng chính trị là xây dựng chính thể lập hiến dân chủ. Theo như nền chính trị hiện nay thì người Hán là quân chủ cũng không thể không cách mạng... Vì Trung Quốc từ xưa đến nay đều lấy nhà nước làm tài sản tư nhân cho nên khi có anh hùng và cỏ dại nổi lên nhất định có tranh giành nhau, giành không được thì cắt đi một bên, không chịu nhường dẫn đến chia cắt một hai trăm năm vẫn chưa yên... Chúng ta nhất định phải làm cách mạng từ bình dân xây chính phủ Quốc dân.

Như vậy, ta thấy nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Dân quyền là nhằm đánh đổ chế độ quân chủ chuyên chế, thiết lập thể chế dân chủ cộng hoà tư sản. Cuộc cách mạng chính trị này không chỉ đơn thuần là đánh đuổi ách thống trị của dân tộc Mãn Thanh mà còn nhằm lật đổ một thể chế đã lỗi thời phản động, cản trở sự phát triển của Trung Quốc. Ngoài ra, thực hiện chủ nghĩa Dân quyền còn nhằm tránh cho Trung Quốc cái hoạ quân phiệt hỗn chiến chia cắt đất nước xảy ra thường xuyên thời phong kiến.

Chủ nghĩa Dân quyền của Tôn Trung Sơn lúc này cũng bộc lộ hạn chế ở chỗ, ông vẫn còn mơ hồ về bản chất của chế độ phong kiến. Do đó, Tôn Trung Sơn ngỡ là chỉ cần đánh đổ được Hoàng đế nhà Thanh thiết lập chính phủ Dân Quốc là đã xoá bỏ được tận gốc chế độ phong kiến. Đặc biệt lúc bấy giờ Tôn Trung Sơn vẫn còn mơ hồ về giai cấp và bản chất của các giai cấp do vậy mà ông đã chấp nhận nhường chức Tổng thống cho tên quân phiệt Viên Thế Khải để đạt được sự thoái vị của Hoàng đế nhà Thanh. Chính vì vậy mà nền Cộng hoà sau Cách mạng Tân Hợi chỉ tồn tại rất ngắn ngủi. Khi thành quả cách mạng rơi vào tay tên quan liêu quân phiệt Viên Thế Khải thì nó và bọn quan liêu quân phiệt đã nhanh chóng tìm cách thủ tiêu.

Mặt khác Tôn Trung Sơn cũng chưa thấy được sức mạnh to lớn của quần chúng nhân dân do đó đã không phát động quần chúng đấu tranh để làm chỗ dựa chống phong kiến và bọn quân phiệt mà chủ yếu là ông dựa vào tàn quân - lực lượng quân đội của nhà Thanh đã được tuyên truyền cách mạng. Thậm chí ông còn hy vọng dựa vào bọn quân phiệt này để chống bọn quân phiệt kia.

**** Chủ nghĩa dân sinh***

Theo Tôn Trung Sơn: Nói đến chủ nghĩa Dân sinh không giống như vấn đề dân tộc, dân quyền - vấn đề cấp bách như lửa cháy lông mày nên ít người hiểu được nó. Như vậy, con mắt phải nhìn xa hơn, khi đại hoạ chưa xảy ra, dập tắt được nó là vấn đề rất khó. Vấn đề xã hội Âu - Mỹ rất nghiêm trọng và khó giải quyết. Trung Quốc còn ở vào thời đại ấu trĩ, tương lai chắc chắn sẽ xảy ra, đến lúc đó dẹp không được lại làm cuộc cách mạng lớn. Sự tình cách mạng là vạn bất đắc dĩ mới dùng không thể liên tiếp làm tổn hại đến nguyên khí của quốc dân. Khi chúng ta thực hiện cách mạng dân tộc, cách mạng chính trị cần phải đồng thời nghĩ cách đổi mới tổ chức kinh tế, xã hội đề phòng cách mạng xã hội sau này... Tóm lại mục đích cuộc cách mạng của chúng ta là đem lại lợi ích cho nhân dân Trung Quốc. Vì không muốn có sự độc quyền của thiểu số người Mãn Châu nên phải làm cuộc cách mạng dân tộc. Không muốn có độc quyền của thiểu số người giàu nên phải làm cách mạng xã hội. Trong ba loại cách mạng này có một loại cách mạng không làm được,

cũng không phải là ý muốn của chúng ta. Sau khi đạt được mục đích này, Trung Quốc trở thành một nhà nước hoàn mỹ" [52, tr.185].

Như vậy, Tôn Trung Sơn đề ra chủ nghĩa Dân sinh là nhằm đem lại hạnh phúc cho nhân dân. Mặt khác, ông còn nhằm tránh phải tiến hành thêm một cuộc cách mạng xã hội nữa để giải quyết hậu quả xấu của sự phát triển tư bản chủ nghĩa. Bởi vì ông cho là khi tiến hành bất kỳ một cuộc cách mạng nào cũng có hại cho nguyên khí quốc dân. Như vậy, Tôn Trung Sơn đã chịu ảnh hưởng quan điểm điều hoà mâu thuẫn giai cấp của trường phái XHCN dân chủ.

1.2.2- Quá trình thực hiện chủ nghĩa Tam dân cũ trong thực tiễn ở Trung Quốc và sự ra đời của chủ nghĩa Tam dân mới

a) Quá trình thực hiện chủ nghĩa Tam dân cũ ở Trung Quốc

Sau khi công bố và giải thích chủ nghĩa Tam dân, từ năm 1905 đến 1910, Tôn Trung Sơn và Trung Quốc, Đồng Minh hội đã tiến hành cuộc đấu tranh về tư tưởng với phái quân chủ lập hiến của Khang Hữu Vy và Lương Khải Siêu trên báo chí. Với cuộc luận chiến này ông và các đồng chí trong Đồng Minh hội đã đánh bại tư tưởng quân chủ tạo điều kiện cho sự xác lập của tư tưởng cộng hoà trong xã hội Trung Quốc ngày một vững chắc hơn. Nhờ đó mà sau khi thành quả của cách mạng Tân Hợi rơi vào tay Viên Thế Khải và bọn quan liêu quân phiệt, chúng âm mưu phục hồi nền quân chủ đã không thể thành công. Song song với cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng, Tôn Trung Sơn và Đồng Minh hội đã liên tục phát động hàng loạt cuộc khởi nghĩa chống triều đình nhà Thanh. Đó là các cuộc khởi nghĩa: Bình Lương, Lê lăng, Lưu Dương (1906); Triều Châu, Huệ Châu, Khâm Châu, Liêm Châu, Trần Nam Quan (1907); Hà Khẩu (1908); Quảng Châu - Hoàng Hoa Cương (tháng 3/1911). Sau thất bại của cuộc khởi nghĩa Hà Khẩu những vùng gần biên giới Trung Quốc đều bị nhà Thanh đề nghị nhà chức trách ở các vùng đó cấm Tôn Trung Sơn không được tự do cư trú. Do đó, ông đã giao phó công việc cách mạng trong nước lại cho Hoàng Khắc Cường và Hồ Hán Dân phụ trách còn Tôn Trung Sơn thì qua Mỹ để lo tiếp tế và tìm nguồn tài chính cho cách mạng. Vì thế mà khi cách mạng Tân Hợi bùng nổ, Tôn Trung Sơn không có mặt ở Trung Quốc. Ngày 10

tháng 10 năm 1911, khởi nghĩa Vũ Xương diễn ra, mở đầu cho cách mạng Tân Hợi. Từ Vũ Xương phong trào lan rộng ra khắp các tỉnh ở Nam và Trung Trung Quốc đến cuối tháng 12 năm 1911 cách mạng giành được thắng lợi ở 17 tỉnh. Ngày 20 tháng 12 đại biểu các tỉnh họp ở Nam Kinh đã nhất trí bầu Tôn Trung Sơn làm Lâm thời đại Tổng thống. Ngày 25 tháng 12 năm 1911, Tôn Trung Sơn về nước. Ngày 01 tháng 01 năm 1912, ông tuyên thệ nhận chức Tổng thống và tuyên bố tổ chức chính phủ Trung Hoa Dân Quốc. Cách mạng Tân Hợi thành công (tuy không xoá bỏ tận gốc chế độ phong kiến) đã lật đổ được ách thống trị hàng nghìn năm của chế độ phong kiến ở Trung Quốc và trên 200 năm tồn tại của vương triều Mãn Thanh, chế độ Cộng hoà đã được khẳng định và xác lập, mở ra hướng đi mới tiến bộ và tất yếu trong lịch sử Trung Quốc. Thắng lợi của Cách mạng Tân Hợi cũng khẳng định sự thắng lợi của tư tưởng dân chủ tiến bộ của Tôn Trung Sơn cụ thể là của chủ nghĩa Tam dân; nó chứng tỏ sự thâm nhập mạnh mẽ của chủ nghĩa Tam dân vào xã hội Trung Quốc. Mặt khác thắng lợi của cách mạng Tân Hợi đã tạo điều kiện quan trọng cho sự truyền bá chủ nghĩa Tam dân tới nhiều quốc gia thuộc địa phong kiến hay nửa phong kiến nửa thuộc địa và phụ thuộc ở Đông Nam Á. Tuy nhiên, do còn mơ hồ về bản chất của giai cấp phong kiến và đế quốc lại thiếu kinh nghiệm trong bảo vệ chính quyền và sự giao động của các lãnh tụ tư sản trong Đồng Minh hội mà chỉ sau 3 tháng, Tôn Trung Sơn đã để bọn quân phiệt Viên Thế Khải đoạt lấy thành quả cách mạng. Để chống lại việc Viên Thế Khải âm mưu thủ tiêu nền Cộng hoà, Tôn Trung Sơn đã cải tổ Đồng Minh hội, Liên minh với 4 đảng nhỏ khác thành lập ra Trung Quốc Quốc Dân đảng vào tháng 8 năm 1912. Trong những năm từ 1912 đến 1916, Tôn Trung Sơn đã tổ chức "Cách mạng lần thứ hai" và "Phong trào hộ pháp" để nhằm lật đổ Viên Thế Khải và thanh trừ bọn quân phiệt nhưng không thành công. Cách mạng Trung Quốc trong những năm 1912 đến 1916 đã chứng tỏ những điểm hạn chế của chủ nghĩa Tam dân cũ (chưa nhận thức được bản chất của bọn đế quốc và phong kiến quân phiệt) và sự khủng hoảng về lãnh đạo. Năm 1917, Cách mạng tháng Mười Nga bùng nổ và giành được thắng lợi đã tác động rất lớn đến nhận thức của Tôn Trung Sơn. Đặc biệt nhờ sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Trung Quốc (thành lập năm 1921), Tôn Trung Sơn đã có sự tiến

bộ vượt bậc về tư tưởng. Tại Đại hội lần thứ nhất của Quốc dân đảng tháng 01 năm 1924, Tôn Trung Sơn đã giải thích lại chủ nghĩa Tam dân phù hợp với cương lĩnh của Đảng Cộng sản trong cách mạng dân chủ và cải tổ Quốc Dân đảng, kết nạp thêm nhiều đảng viên, cán bộ của đảng Cộng sản, biến Quốc Dân đảng thành một Liên minh cách mạng trên cơ sở "Hợp tác Quốc - Cộng". Mặt khác, Tôn Trung Sơn còn đề ra ba chính sách lớn (liên Nga, liên Cộng, phù trợ nông công) với tinh thần cách mạng triệt để. Tôn Trung Sơn đã phổ biến "chủ nghĩa Tam dân mới", cho các cán bộ đảng viên từ 27-01 đến 24-8-1924. Thời gian tiếp theo vì công việc đột xuất phải đi Bắc Kinh nên Tôn Trung Sơn đã không kịp giảng nốt hai bài còn lại về chủ nghĩa Dân sinh. Tháng 11 ông tới Thượng Hải rồi vòng qua Nhật Bản và tới Thiên Tân vào ngày 04 tháng 12 thì lâm bệnh nặng (bệnh gan chuyển sang giai đoạn cuối). Ngày 12 tháng 3 năm 1925, Tôn Trung Sơn qua đời ở tuổi 60 với nhiều dự định chưa kịp thực hiện.

Các bài giảng về chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn được Hoàng Xương Cốc ghi lại và được Trần Lỗ hiệu đính rồi đem in. Chủ nghĩa Tam dân ở thời kỳ này đã được Tôn Trung Sơn bổ sung, phát triển và chỉnh lý thường được gọi là "**chủ nghĩa Tam dân mới**".

b) Nội dung cơ bản và giá trị lịch sử của chủ nghĩa Tam dân mới

** Về chủ nghĩa Dân tộc*

Tôn Trung Sơn đã mở đầu bằng cách giải thích khái niệm "chủ nghĩa Dân tộc" là "chủ nghĩa Quốc tộc". Theo Tôn Trung Sơn: (hiện tại) Trung Quốc không có chủ nghĩa Dân tộc mà chỉ có chủ nghĩa Gia tộc và chủ nghĩa Tông tộc. Do không có chủ nghĩa Quốc tộc, không có tinh thần dân tộc nên dù là có "một Trung Quốc 400 triệu người kết thành nhưng trên thực tế chúng ta là một mảng cát rời rạc... Là một nước nghèo nhất, yếu nhất trên thế giới hiện nay, có địa vị thấp nhất trên trường quốc tế... Nếu không đề xướng chủ nghĩa dân tộc thì Trung Quốc có nguy cơ mất nước, tuyệt chủng, muốn cứu nguy chúng ta cần đề xướng chủ nghĩa Dân tộc, tinh thần dân tộc để cứu nước" [58, tr.56].

Trong bài 5 giảng ngày 24-2-1924, Tôn Trung Sơn khẳng định: "...Nguyên nhân làm cho Trung Quốc thoái hoá tới tình trạng hiện nay là chúng ta để mất đi tinh thần dân tộc, do đó dân tộc ta bị dân tộc khác chinh phục thống trị trên 200 năm. Trước kia làm nô lệ cho Mãn Châu, hiện nay làm nô lệ cho người các nước khác... Nếu kéo dài tình trạng này mà không tìm cách khôi phục chủ nghĩa Dân tộc thì tương lai Trung Quốc không những mất nước mà còn tuyệt chủng..." [58, tr.125]. Tôn Trung Sơn chỉ rõ: Nguyên nhân làm cho dân tộc Trung Hoa rơi vào địa vị "thứ thuộc địa" (nô lệ của nhiều nước) là vì đánh mất chủ nghĩa Dân tộc. Hiện nay, tại Trung Quốc đang chịu các tai hoạ: Thứ nhất là "sức ép của lực lượng chính trị" của các nước đế quốc (có cả quân sự), thứ hai là "sức ép của lực lượng kinh tế", thứ ba là "sức ép của sự gia tăng dân số" của nước ngoài; ba thứ tai hoạ lớn này đang đổ vào đầu chúng ta... Đề xướng chủ nghĩa Dân tộc trước hết cần làm cho 400 triệu người đều biết giờ chết của mình sắp tới để khôi phục chủ nghĩa Dân tộc... Trước đây, Trung Quốc có đoàn thể Gia tộc và Tông tộc rất bền vững, quan niệm của người Trung Quốc về Gia tộc và Tông tộc rất sâu sắc... Từ quan niệm tốt đẹp này có thể mở rộng ra, phát triển chủ nghĩa Tông tộc thành chủ nghĩa Quốc tộc. Từ đoàn thể Tông tộc (Trung Quốc có không quá 400 Tông tộc) liên kết lại thành một đoàn thể lớn là đoàn thể Quốc tộc. Bên cạnh phương pháp liên kết thành đoàn thể Quốc tộc còn cần khôi phục nền đạo đức cổ truyền của chúng ta (đạo đức Nho giáo: trung, hiếu, nhân ái, tín, nghĩa và yêu hoà bình). Tuy nhiên cần hiểu Nho giáo trên tinh thần mới. Bên cạnh việc khôi phục đạo đức cổ truyền, chúng ta cần khôi phục cả tri thức và năng lực vốn có của dân tộc Trung Hoa.

Đồng thời với việc khôi phục mọi tinh hoa dân tộc nói trên, "Chúng ta cần học tập những chỗ mạnh của Âu - Mỹ (đó là khoa học kỹ thuật)... Nếu không học tập chỗ mạnh của thế giới, chúng ta vẫn sẽ tụt hậu" [58, tr.157].

Ông nói: Muốn học nước ngoài, chúng ta phải đón đầu mà đuổi cho kịp. Không nên lèo đèo theo sau. Lúc Trung Quốc khôi phục được địa vị hàng đầu rồi thì làm gì? Cổ ngữ Trung Quốc có câu: "Giúp kẻ yếu, nâng kẻ ngã" (...) Nếu Trung Quốc cường thịnh lên chúng ta không những khôi phục địa vị của dân tộc mà còn phải chịu trách nhiệm lớn trước thế giới (...) Phải cứu trợ kẻ yếu, nâng kẻ sắp ngã có

như thế chúng ta mới hoàn thành thiên chức của dân tộc chúng ta. Chúng ta cần giúp đỡ các dân tộc nhược tiểu chống lại các cường quốc trên thế giới... Nhìn lại nổi thống khổ bị các cường quốc áp bức về chính trị, kinh tế hiện nay, thấy các dân tộc nhược tiểu phải chịu nổi thống khổ tương tự; chúng ta sẽ chiến đấu tiêu diệt chủ nghĩa đế quốc. Thế mới gọi là "trị quốc bình thiên hạ"(...) "Dùng đạo đức cổ hữu và tình yêu hoà bình làm cơ sở để liên kết thế giới thành một nền thống trị đại đồng (...) Đó chính là tinh thần chân chính của chủ nghĩa Dân tộc chúng ta" [58, tr.160-161].

Tóm lại, trong chủ nghĩa Dân tộc, Tôn Trung Sơn đã xác định lại về đối ngoại, chống chủ nghĩa đế quốc, dân tộc Trung Quốc tự đấu tranh giải phóng. Sau khi khôi phục Trung Quốc thì Trung Quốc sẽ giúp đỡ các dân tộc nhược tiểu, chống các nước đế quốc xâm lược.

Về đối nội, thực hiện chủ nghĩa Dân tộc nhất luật bình đẳng đối với các dân tộc sống trên lãnh thổ Trung Quốc không phân biệt đa số hay thiểu số.

*** Về chủ nghĩa Dân quyền**

Chủ nghĩa Dân quyền trong chủ nghĩa Tam dân mới được coi là bộ phận tinh tuý nhất và cũng là công hiến vĩ đại của Tôn Trung Sơn.

Theo Tôn Trung Sơn "Dân quyền là sức mạnh chính trị của nhân dân; mà chính trị được nói giản đơn thì "chính" là việc của dân chúng "trị" là quản lý việc của dân chúng là chính quyền. Nay nhân dân quản lý công việc chính trị nên gọi là Dân quyền" [58,tr.163].

Tôn Trung Sơn cho rằng: Hiện nay trào lưu thế giới đã đến thời đại Dân quyền, chúng ta cần nhanh chóng nghiên cứu về nó (...) Vì trào lưu thế giới đã chảy từ thần quyền đến quân quyền rồi từ quân quyền đến dân quyền. Hiện nay nó đã chảy đến Dân quyền thì không có cách gì có thể chống cự được. Chúng ta quyết định áp dụng chế độ Dân quyền một là nhằm thuận theo trào lưu thế giới, hai là nhằm rút ngắn chiến tranh trong nước. Vì từ xưa đến nay những người có chí lớn phần nhiều đều muốn làm vua... Đẳng cách mạng chúng ta nêu cao chủ nghĩa Dân quyền là để xây dựng một nước Cộng hoà nhằm tránh chiến tranh, tranh giành ngôi vị hoàng đế (...) Từ "Dân quyền" thường được các học giả nước ngoài gọi chung với

từ "Tự do". Chính vì vậy mà trong nhiều sách báo và ngôn luận từ "Dân quyền" và "Tự do" đặt bên nhau... Chúng ta cần biết rằng Tự do và Dân quyền đồng thời phát triển vì thế ngày nay nói Dân quyền không thể không nói Tự do. Âu - Mỹ đấu tranh vì tự do đồ không ít xương máu (...) Gần đây phong trào cách mạng Âu - Mỹ truyền đến Trung Quốc, những học sinh mới và nhiều chí sĩ Trung Quốc đều đứng lên đề xướng tự do... Có thể nói, kiểu ngôn luận này là "người nói ta cũng nói" chưa dùng tâm sức nghiên cứu Dân quyền và Tự do, chưa hiểu sâu sắc. Đảng cách mạng chúng ta trước sau chủ trương cách mạng theo chủ nghĩa Tam dân chứ không chủ trương cách mạng đấu tranh vì tự do... Xưa kia khẩu hiệu của cách mạng Pháp là Tự do - Bình đẳng - Bác ái, khẩu hiệu của ta là Dân tộc - Dân quyền - Dân sinh. Vậy thì khẩu hiệu chủ nghĩa Tam dân của chúng ta có quan hệ gì với khẩu hiệu Tự do - Bình đẳng - Bác ái. Theo tôi khẩu hiệu Dân tộc của chúng ta giống như khẩu hiệu Tự do của họ. Vì thực hiện chủ nghĩa Dân tộc là đấu tranh giành tự do cho quốc gia. Nhưng đương thời ở châu Âu là giành tự do cá nhân...

Theo Tôn Trung Sơn thì tự do không phải là tự do vô hạn, tự do vô hạn sẽ phát sinh lệch lạc. Do đó tự do phải có giới hạn: Phạm vi tự do của một người là không xâm phạm tự do của người khác, đây mới là tự do đích thực. Cá nhân không thể tự do thái quá, quốc gia phải được hoàn toàn tự do. Đến khi quốc gia có thể hành động tự do thì Trung Quốc là quốc gia cường thịnh... Hiện nay, Trung Quốc đang làm nô lệ cho hơn 10 nước. Vì thế, quốc gia hiện nay rất không tự do (...) Bình đẳng và chủ nghĩa Dân quyền của chúng ta giống nhau vì chủ nghĩa Dân quyền đề xướng địa vị chính trị của nhân dân đều bình đẳng, do đó dân quyền và bình đẳng giống nhau...

Qua phần trình bày trên ta thấy Tôn Trung Sơn không nói mục tiêu của Dân quyền là tự do. Vì ông cho rằng, người Trung Quốc đã quá đầy đủ tự do rồi nên không có đoàn thể, dẫn đến không có sức đề kháng để chống lại sự xâm lược của nước ngoài, cho nên người Trung Quốc cần hy sinh tự do của cá nhân để đấu tranh cho tự do của quốc gia.

Ông nói: Bình đẳng là do con người tạo ra chứ không phải do trời sinh ra. Con người tạo ra sự "bất bình đẳng" và "bình đẳng giả tạo". Mục đích của cách

mạng là phải đi tới sự bình đẳng thực sự về chính trị... Có dân quyền thì mới có bình đẳng, tự do. Nếu không có dân quyền thì bình đẳng, tự do chỉ toàn là những từ trống rỗng... Chỗ đứng của bình đẳng, tự do là Dân quyền. Dân quyền phát triển thì bình đẳng tự do mới tồn tại lâu dài, nếu không có dân quyền thì bình đẳng không thể giữ được, bất luận bình đẳng, tự do gì. Vì thế Đảng cách mạng Trung Quốc phát động cách mạng tuy mục đích là giành bình đẳng tự do nhưng xác định khẩu hiệu và chủ nghĩa là Dân quyền. Giành được dân quyền rồi nhân dân mới có bình đẳng tự do thực sự...

Tôn Trung Sơn cho rằng, những lệch lạc về bình đẳng ở Âu - Mỹ là họ đã nhận thức nội dung bình đẳng quá cứng nhắc. Sau khi giành được bình đẳng ở Âu - Mỹ nảy sinh lệch lạc vì dân quyền phát triển không đầy đủ; tự do, bình đẳng không thể vận động trên quỹ đạo đúng... Âu - Mỹ đến nay vẫn phải phấn đấu vì dân quyền... Chúng ta dùng Dân quyền để cải tạo Trung Quốc thành một Dân Quốc "chính trị toàn dân" đi trước Âu - Mỹ...

Ông còn nói: "Mấy nghìn năm nay, dân tình phong tục, xã hội Trung Quốc khác Âu - Mỹ (...) Chúng ta căn cứ vào tình hình xã hội mình mà hành động phù hợp với trào lưu thế giới thì mới có thể làm cho xã hội tốt lên, quốc gia mới có thể tiến bộ" [58, tr.254]. Tôn Trung Sơn căn cứ vào thông minh tài sức của mọi người để phân loại người thành ba loại:

- Loại thứ nhất là những người biết trước, giác ngộ trước (tiên tri tiên giác) có thông minh cao nhất, thấy một việc nghĩ ra rất nhiều lý lẽ.

Nhờ loại người này đề ra nhiều biện pháp cải tạo thế giới, nhờ đó mà thế giới tiến bộ, nhân loại mới văn minh. Họ là những người sáng tạo của thế giới, là những nhà phát minh của nhân loại.

- Loại thứ hai là những người biết sau, giác ngộ sau (hậu tri hậu giác). Thông minh tài sức kém loại thứ nhất, không tự phát minh chỉ mô phỏng theo người.

- Loại thứ ba là những người bất tri bất giác, thông minh tài sức càng kém hơn. Có việc tuy có người chỉ giáo họ cũng không thể biết, chỉ có thể làm. Nói theo ngôn từ chính trị loại thứ nhất là nhà phát minh, loại thứ hai là nhà tuyên truyền,

loại thứ ba là nhà thực hành... Những việc lớn trên thế giới đều do ba loại người làm ra... bất luận thiếu loại nào đều không thể được (...) Ngày nay, chúng ta chủ trương dân quyền là giao chính quyền vào tay nhân dân... mọi việc đều do dân làm chủ. Nói cách khác, chính thể cộng hoà thì nhân dân làm “hoàng đế”.

Để thực hiện dân quyền hoàn hảo, Tôn Trung Sơn chủ trương tách rời "quyền" và "năng"... Tóm lại để nhân dân có quyền trực tiếp quản lý chính phủ thì động tác của chính phủ luôn luôn do nhân dân chỉ huy. Nhân dân có 4 quyền quản lý chính phủ, đòi chính phủ làm việc... Muốn chính phủ có cơ quan hoàn hảo làm nhiều việc tốt thì chính phủ phải có 5 quyền; dùng “Hiến pháp Ngũ quyền” để tổ chức chính phủ... Cần phải có chính phủ để nhân dân sử dụng mưu hạnh phúc cho nhân dân. Có loại chính phủ vụn văng thì mới xem như dân trị phát triển. Song để nhân dân quản lý được chính phủ vụn văng (chính phủ dễ lạm dụng quyền lực) thì chúng ta tách rời quyền và năng, nhân dân là công trình sư, chính phủ là cái máy. “Một mặt, chính phủ là vụn văng bất kỳ việc gì cũng làm được, mặt khác nhân dân như công trình sư cũng có đủ lực lượng để có thể quản lý cái máy vụn văng. Có cơ quan chính trị như thế thì lực lượng của nhân dân và chính phủ mới có thể cân bằng với nhau” [58, tr.308-309]. Ông giải thích "Trước kia nước ngoài có “Tam quyền phân lập”, tại sao bây giờ chúng ta cần Ngũ quyền phân lập? Hai quyền khác từ đâu đến? Hai quyền này Trung Quốc vốn có từ xưa. Thời xưa thi hành độc lập chế độ khảo thí và giám sát cũng có thành tích rất tốt như ngự sử triều Thanh, Luyện nghị đại phu triều Đường đều là chế độ giám sát tốt... Ngày nay nước ngoài cũng có bốn loại quyền này nhưng đặt trong cơ quan lập pháp, không thành trị quyền độc lập. Hơn nữa, khảo thí tuyển chọn nhân tài trong lịch sử mấy ngàn năm cũng là một đặc sắc của Trung Quốc... Bây giờ chúng ta tập hợp tinh hoa của trong và ngoài nước phòng ngừa mọi lệch lạc nên áp dụng quyền hành chính, lập pháp, tư pháp của nước ngoài và thêm vào quyền khảo thí, quyền giám sát của Trung Quốc, biến thành một hoàn bích (hoàn mỹ không có khuyết điểm) thật tốt, tạo thành một chính phủ Ngũ quyền phân lập (...) Về phương diện chính quyền (quyền của nhân dân), chúng ta chủ trương bốn quyền (Phúc quyết, Bãi miễn, Sáng chế, Tuyển cử). Về phương diện

trị quyền, chúng ta chủ trương năm quyền, mỗi bên có cơ chế hoạt động riêng, có tác dụng riêng, phải phân biệt rõ ràng không lẫn lộn" [58, tr.310-311].

Tôn Trung Sơn đã sáng tạo nên một chính thể mới - chính thể Cộng hoà “Ngũ quyền phân lập”. Theo ông có chính phủ tốt đẹp như thế thì mới có thể xây dựng quốc gia "dân giàu, dân trị, dân hưởng". Chính thể này được biểu diễn bằng sơ đồ dưới đây:

Theo Tôn Trung Sơn: Chính phủ phải là "Một cỗ máy phát sinh mã lực cực lớn" và "Dân quyền là quyền của nhân dân dùng để quản lý trực tiếp chiếc máy mã lực cực lớn ấy". Do đó, nói bốn dân quyền là bốn cái tiết chế trên cái máy ấy. Có bốn tiết chế thì có thể quản lý mọi động tĩnh của cái máy ấy.

Chính phủ có năng lực như thế, có tuyến công việc như thế (năm quyền chia thành năm tuyến công việc) mới có thể phát ra uy lực vô hạn, mới là chính phủ vạn năng. Nhân dân có quyền lớn như thế thì không sợ không đủ lực lượng để quản lý chính phủ. Tình thế như thế thì uy lực chính phủ có thể phát triển, quyền lực nhân dân có thể mở rộng. Trung Quốc thực hành loại chính quyền và trị quyền này thì mới khai phá tạo thành một thế giới mới trên địa cầu.

Xem xét một cách tổng thể nội dung chủ nghĩa Dân quyền trong chủ nghĩa Tam dân mới, chúng tôi thấy nó chứa đựng những ưu điểm nổi bật sau đây:

- Ưu điểm thứ nhất đó là "tư tưởng dân chủ, trung thực và mang tính chiến tranh của chủ nghĩa Tam dân mà đặc biệt trong chủ nghĩa Dân quyền; nó được thể hiện qua chủ trương xoá bỏ chế độ quân chủ chuyên chế, xây dựng một nhà nước thực sự "của dân, do dân và vì dân". Bằng cách tạo ra “Hiến pháp Ngũ quyền phân lập”, Tôn Trung Sơn nhằm trao quyền làm chủ đất nước tối đa cho nhân dân, thông qua cơ chế bốn trị quyền (phúc quyết, sáng chế, bãi miễn và tuyền cử) để kiểm soát năm quyền của chính phủ (lập pháp, hành chính, tư pháp, giám sát và khảo thí). Việc bổ sung thêm hai quyền giám sát và khảo thí vào cơ chế tam quyền phân lập của Môngte Xkiơ để hình thành nên hiến pháp ngũ quyền phân lập là một đóng góp mang tính sáng tạo của Tôn Trung Sơn. Thực hiện các quyền giám sát và khảo thí

độc lập với các quyền khác có tác dụng nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan Nhà nước, hạn chế sự chồng chéo, lạm dụng quyền lực giữa các cơ quan và các viên chức Nhà nước.

- Ưu điểm thứ hai là trong chủ nghĩa Dân quyền là việc Tôn Trung Sơn đề ra trình tự thực hiện dân chủ qua ba thời kỳ là phù hợp với điều kiện trình độ dân trí và hiểu biết về dân chủ của nhân dân còn thấp. Do đó, phải có thời gian tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn nhân dân để họ đủ khả năng thực hiện quyền dân chủ của mình.

Ý tưởng xây dựng chế độ giám sát và khảo thí của Tôn Trung Sơn vẫn có ý nghĩa tích cực đối với công cuộc cải cách thể chế chính trị hiện nay. "Trên thực tế từ giữa những năm 80 của thế kỷ XX, với tư cách là một trong những nội dung của cải cách thể chế chính trị, ở Trung Quốc đã bắt đầu xây dựng và khôi phục chế độ giám sát. Ở các cấp chính quyền lập ra cơ cấu Giám sát để giám sát công tác của quan chức, đôn đốc họ nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác..." [12, tr.117]. Tuy nhiên, cơ chế này vẫn chưa hoàn thiện cho nên cần tách cơ cấu giám sát khỏi chính quyền thì mới tăng cường được quyền lực của nó mới làm cho chức trách giám sát phát huy được hiệu lực. Chế độ khảo hạch (khảo thí) để tuyển dụng cán bộ nhân viên cũng bắt đầu được thực hiện ở Trung Quốc từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX. Theo chế độ này, tất cả cán bộ nhân viên Nhà nước gọi chung là công vụ viên Nhà nước đều phải qua khảo hạch, nếu đạt yêu cầu mới được tuyển dụng.

Bên cạnh những ưu điểm lớn nói trên thì chủ nghĩa Dân quyền vẫn không tránh khỏi một vài hạn chế. Hạn chế thứ nhất là Tôn Trung Sơn chưa đánh giá đúng vai trò của giai cấp vô sản trong cách mạng dân tộc dân chủ cũng như sức mạnh của các tầng lớp nhân dân trong cách mạng mà quá chú trọng dựa vào lực lượng vũ trang. Tôn Trung Sơn chưa xác định được vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp vô sản trong mặt trận dân tộc - liên minh của bốn giai cấp (nông dân, công nhân, tiểu tư sản, vô sản). Hạn chế này là khó tránh khỏi bởi vì lúc đó ngay cả lãnh tụ của đảng Cộng sản Trung Quốc là "Trần Độc Tú cũng chưa có quan điểm rõ ràng về vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản và chính đảng của nó" [54, tr.46].

Năm 1925, Tôn Trung Sơn qua đời nên ông không thể phát triển chủ nghĩa Dân quyền ở khía cạnh này phù hợp với trào lưu cách mạng Trung Quốc sau đó. Cương lĩnh "cách mạng dân chủ mới" của Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra những năm 40 "hoàn thiện hơn nhiều so với Cương lĩnh của Tôn tiên sinh" nhưng đó là do sự phát triển của cách mạng Trung Quốc trong 20 năm từ sau Tôn Trung Sơn qua đời. Tóm lại, tuy có một vài hạn chế, song chủ nghĩa Dân quyền của Tôn Trung Sơn trong chủ nghĩa Tam dân mới chứa đựng nhiều ưu điểm và vẫn còn rất có giá trị đối với thời nay.

*** Về chủ nghĩa Dân sinh**

Mở đầu nội dung của chủ nghĩa Dân sinh trong chủ nghĩa Tam dân mới, Tôn Trung Sơn đã giải thích khái niệm "Dân sinh". Ông định nghĩa: "Dân sinh là đời sống của nhân dân, sinh tồn của xã hội, sinh kế của quốc dân, sinh mệnh của quần chúng (...) Vấn đề này là vấn đề xã hội nên chủ nghĩa Dân sinh là chủ nghĩa xã hội, còn gọi là chủ nghĩa Cộng sản tức là chủ nghĩa Đại đồng" [58, tr.312]. Ông khẳng định rằng, trước Marx "chủ nghĩa xã hội đều là chủ nghĩa xã hội không tưởng". Riêng Marx chuyên đi sâu vào thực tế, mổ xẻ phân tích đầy đủ chi tiết tình hình diễn biến kinh tế của vấn đề xã hội nên gọi là chủ nghĩa Xã hội..." [58, tr.312].

Tôn Trung Sơn khẳng định: "Trước tác của Marx, phát minh của Marx là tập đại thành của tư tưởng nhân loại mấy nghìn năm nay ...". Tuy nhiên, Tôn Trung Sơn không nhất trí với Marx ở luận điểm coi "đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của xã hội". Tôn Trung Sơn cho "đấu tranh giai cấp là bệnh trạng của xã hội" còn "nhân loại mưu cầu sinh tồn là định luật tiến hoá xã hội" mới là "trọng tâm của lịch sử"... Mưu cầu sinh tồn của nhân loại là vấn đề dân sinh nên "vấn đề dân sinh là nguyên động lực của tiến hoá xã hội, trọng tâm của mọi hoạt động lịch sử (...) Chủ nghĩa Cộng sản là lý tưởng cao nhất để giải quyết vấn đề xã hội. Đảng Quốc dân chúng ta đề xướng chủ nghĩa Dân sinh không chỉ là lý tưởng cao nhất mà còn là nguyên động lực của xã hội, trọng tâm của mọi hoạt động lịch sử, chủ nghĩa Dân sinh được thực hiện thì mới có thể giải quyết vấn đề xã hội (...) Chủ nghĩa Cộng sản là lý tưởng của chủ nghĩa Dân sinh, chủ nghĩa Dân sinh là thực hành của chủ nghĩa Xã hội. Do đó, hai chủ nghĩa này không phân biệt nhau, sự khác biệt chỉ là phương

pháp... Chủ nghĩa Dân sinh của đảng Quốc dân chúng ta có mục đích là chia đều tài nguyên xã hội vì thế "chủ nghĩa Dân sinh là chủ nghĩa Xã hội cũng là chủ nghĩa Cộng sản...". Biện pháp đầu tiên là giải quyết vấn đề đất đai... Hiện nay, chúng ta dùng biện pháp đơn giản rất dễ làm đó là “bình quân địa quyền”... Chính phủ thu thuế theo giá đất và mua theo giá đất. Giá đất do chủ đất tự định, thu thuế bằng 1% giá đất". (Nhà nước có biện pháp để buộc chủ đất định giá đúng vì nếu định giá đất cao thì phải đóng nhiều thuế sao cho chính phủ, nếu định giá thấp hơn thực tế thì chính phủ mua lại đất theo giá đó chủ đất sẽ bị thiệt càng lớn).

"...Sau khi định giá đất, chúng ta thêm một đạo luật qui định nữa (...) Biện pháp của chúng ta là toàn bộ phần tăng giá hoàn toàn thuộc công hữu vì giá tăng là do xã hội thay đổi, phát triển và công thương nghiệp tiến bộ". "...Biện pháp công hữu thuộc quỹ dân chúng phần tăng giá đất là chủ trương “bình quân địa quyền” của Đảng Quốc dân là chủ nghĩa Dân sinh" [58, tr.363]. Ông giải thích: Vì mục đích lớn của chủ nghĩa Dân sinh trong chủ nghĩa Tam dân là dân chúng được cộng sản, nhưng cộng sản mà chúng ta chủ trương lại là biện pháp rất chính đáng công đạo...". Vấn đề đất đai được giải quyết thì có thể giải quyết một nửa vấn đề Dân sinh ...

"Chúng ta giải quyết vấn đề dân sinh ở Trung Quốc mong muốn làm một lần mà giúp cho xã hội tiến triển mãi mãi, lần trước không gây trở ngại cho lần sau... Trung Quốc không chỉ tiết chế tư bản tư nhân mà còn phải phát triển tư bản Nhà nước...".

Theo Tôn Trung Sơn: Tiết chế tư bản tư nhân là ngăn ngừa tư bản độc quyền bằng việc đánh thuế thu nhập của các nhà tư sản theo lối lũy tiến. Thuế thu nhập này nhà nước thu về đầu tư vào giáo dục phát triển kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội. Tôn Trung Sơn khẳng định, sau khi đánh bại bọn quân phiệt thống nhất đất nước "muốn giải quyết vấn đề dân sinh nhất định phải phát triển tư bản nhà nước, chấn hưng công nghiệp. Theo ông có các phương pháp chấn hưng công nghiệp sau:

- Một là sự nghiệp giao thông (đường sắt, đường sông) đều đòi hỏi phải xây dựng các công trình có qui mô lớn.

- Hai là khai khoáng.

- Ba là sản xuất công nghiệp, phải "dùng lực lượng nhà nước để mau chóng chấn hưng công nghiệp. Dùng máy móc để sản xuất làm cho công nhân cả nước có việc làm". Dùng lực lượng Nhà nước kinh doanh để tránh phát triển tư bản tư nhân, (sẽ sinh ra hiện tượng không công bằng của giai cấp rất giàu có). Tôn Trung Sơn nói: Trung Quốc ngày nay muốn giải quyết vấn đề dân sinh ngoài tiết chế tư bản còn phải tạo ra tư bản Nhà nước... Tạo ra tư bản Nhà nước là phát triển thực nghiệp Nhà nước...

Trung Quốc vốn không có nhà tư bản lớn, nếu Nhà nước quản lý tư bản, phát triển tư bản, lợi nhuận kiếm được thuộc về sở hữu nhân dân, theo biện pháp này thì không có xung đột với nhà tư bản rất dễ làm...

Nếu muốn phát triển ba ngành công nghiệp lớn (đường sắt, công nghiệp, khai khoáng) thì không thể không dựa vào vốn tư bản đã có của nước ngoài. Trung Quốc hiện không có máy móc về giao thông... Vì thế, "không thể không vay tiền của nước ngoài để phát triển sự nghiệp vận tải giao thông" và cũng "không thể không thuê nhân tài nước ngoài có học vấn và kinh nghiệm để kinh doanh các sự nghiệp này"; khai khoáng, đóng tàu, phát triển hàng hải, hàng không, xây dựng các nhà máy qui mô lớn của các ngành công nghiệp. Nếu ba ngành thực nghiệp lớn là giao thông, khoáng sản và công nghiệp đều phát đạt thì nguồn thu nhập mỗi năm đều rất lớn. Nếu nhà nước kinh doanh mọi người cùng hưởng lợi nhuận thu được, như thế thì nhân dân cả nước được hưởng lợi của tư bản, không bị hại của tư bản như tình hình hiện nay ở nước ngoài. Tôn Trung Sơn khẳng định: Chúng ta giải quyết vấn đề xã hội của Trung Quốc mục tiêu là mong muốn nhân dân cả nước đều có thể bình yên, sung sướng, đều không bị khổ sở do phân phối không hợp lý, không công bằng, ý muốn loại trừ nỗi khổ đau trên chính là mong muốn xã hội cộng sản. Chính vì vậy, chúng ta không thể nói chủ nghĩa Cộng sản khác chủ nghĩa Dân sinh. Ý tưởng của chủ nghĩa Tam dân là "dân hữu, dân trị, dân hưởng". Ý tưởng dân hữu, dân trị, dân hưởng là nhân dân cộng hữu quốc gia, nhân dân cộng quản chính trị, nhân dân cộng hưởng lợi ích. Theo cách nói này, nhân dân với quốc gia không chỉ là cộng sản, mọi quyền bính đều "cộng" đều cùng là của chung, như thế mới là chủ nghĩa Dân sinh chân chính, là thế giới đại đồng mà Khổng Tử hằng mong ước. Muốn giải quyết vấn

đề Dân sinh, không những chúng ta phải làm cho bốn loại nhu cầu (ăn mặc, ở, đi lại) trở nên thật rẽ mà còn phải làm cho cả nước đều có thể hưởng thụ chúng. Do vậy, muốn thực hiện chủ nghĩa Tam dân, tạo ra một thế giới mới, chúng ta nhất thiết phải làm cho không ai thiếu bất cứ nhu cầu nào, trong bốn nhu cầu đó. Nhà nước phải đứng ra gánh vác trách nhiệm này. Đối với nhu cầu của nhân dân cố nhiên là Nhà nước phải chịu trách nhiệm. Đến lượt mình, nhân dân đối với Nhà nước phải hoàn thành những nghĩa vụ nhất định.

Theo Tôn Trung Sơn: "Muốn phát triển nền công nghiệp của Trung Quốc thì phải thi hành chính sách bảo hộ hàng sản xuất trong nước bằng hàng rào thuế quan nhằm ngăn chặn hàng hóa phương Tây. Hiện nay, cường quốc Âu - Mỹ đều coi Trung Quốc là thị trường phụ thuộc. Chủ quyền và tiền tệ của Trung Quốc đều nằm trong tay họ. Muốn giải quyết vấn đề Dân sinh... trước hết chúng ta phải bắt đầu từ mặt chính trị, xoá bỏ tất cả các hiệp ước bất bình đẳng, thu hồi quyền quản lý hải quan đang nằm trong tay người nước ngoài" [58, tr414].

Tóm lại, Chủ nghĩa Dân sinh mới của Tôn Trung Sơn được phát triển lên một tầm mới mang tính cách mạng hơn Chủ nghĩa Dân sinh cũ, nó thể hiện ở chủ trương "người cày có ruộng" và quyết tâm thu hồi quyền hải quan từ tay tư bản nước ngoài thông qua việc xoá bỏ các hiệp ước bất bình đẳng. Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Dân sinh mới được Tôn Trung Sơn xây dựng với ba chủ trương về kinh tế dưới đây:

- Một là tiết chế tư bản tư nhân nhằm ngăn ngừa tư bản độc quyền và chênh lệch giàu nghèo. Để thực hiện chủ trương này, ông đề ra biện pháp đánh thuế thu nhập của nhà tư bản.

- Hai là phát triển tư bản Nhà nước. Ông dùng biện pháp công hữu hoá tư liệu sản xuất và Nhà nước kinh doanh các ngành kinh tế trọng yếu gồm: Giao thông vận tải, bưu chính, điện lực, khai thác khoáng sản và công nghiệp.

- Ba là bình quân địa quyền. Ông sử dụng biện pháp đánh thuế ruộng đất, Nhà nước thu thuế theo giá đất (1%) và mua lại đất theo giá đất. "Sau khi định giá đất thì Nhà nước ban hành thêm một đạo luật nữa. Đạo luật này qui định: Từ sau

năm định giá, khoán đất đã có giá, nếu lại lên giá thì sẽ thu thêm thuế phụ thu... Toàn bộ phần tăng giá hoàn toàn thuộc quỹ dân chúng (công hữu). Tôn Trung Sơn coi biện pháp này là chủ trương bình quân địa quyền để thực hiện "người cày có ruộng". Đánh giá chính sách này Lê nin viết:

"Biện pháp đưa đến sự chuyển giao địa tô cho Nhà nước tức là việc quốc hữu hoá ruộng đất thông qua một thứ thuế thống nhất nào đó kiểu Hăng ri Giooc gio. Hoàn toàn không có nội dung thực tế nào khác trong "cuộc cách mạng kinh tế" mà Tôn Dật Tiên đề ra và tuyên truyền... Cuộc cải cách như thế không những có thể được mà còn tiêu biểu cho chủ nghĩa tư bản thuần túy nhất, triệt để nhất, hoàn chỉnh và lý tưởng nhất" [35, tr.515-516]. Với biện pháp này mặc dù Tôn Trung Sơn nhằm hạn chế sự phát triển của chủ nghĩa tư bản nhưng lại tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển mạnh mẽ trên lĩnh vực nông nghiệp.

Chủ nghĩa Dân sinh trong chủ nghĩa Tam dân mới có sự gặp gỡ với chính sách kinh tế mới [NEP] của Lê nin cũng như chính sách kinh tế của Việt Nam và Trung Quốc thực hiện trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó là chủ trương tiết chế tư bản, song vẫn phát triển tư bản Nhà nước và phát triển tư bản tư nhân trong một mức độ nhất định. Chủ trương sử dụng các khoản tiền đầu tư và tiền vay của nước ngoài vào việc phát triển các ngành công nghiệp trọng yếu và cơ sở hạ tầng là một trong những chủ trương đúng đắn. Tôn Trung Sơn cũng chủ trương thuê các chuyên gia (ông gọi là nhân tài có học vấn và kinh nghiệm) của nước ngoài để kinh doanh các ngành công nghiệp và dịch vụ. Đây là chủ trương đúng đắn, phù hợp với nền kinh tế nửa phong kiến nửa thuộc địa của Trung Quốc. Các chủ trương này, chúng ta cũng thấy có trong chính sách kinh tế mới của Lê nin và trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc và Việt Nam hiện nay.

* Đã một thế kỷ trôi qua kể từ khi chủ nghĩa Tam dân ra đời, có biết bao biến cố đã diễn ra, song giá trị lịch sử to lớn của nó là không thể phủ nhận. Chủ nghĩa Tam dân là kết tinh đỉnh cao hệ tư tưởng của giai cấp tư sản Trung Quốc thời cận đại. Nó chính là cơ sở tư tưởng, đường lối chỉ đạo và là ngọn cờ tập hợp động viên quần chúng tạo nên thắng lợi của cuộc cách mạng Tân Hợi và nền Cộng hoà đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc. Nó không chỉ định ra được đường hướng chuẩn xác

cho cuộc cách mạng diễn ra trong hoàn cảnh một nước nửa phong kiến nửa thuộc địa mà còn nhằm giải quyết vấn đề cốt lõi là phát triển kinh tế, cải thiện đời sống của nhân dân. Có thể nói tư tưởng cách mạng dân chủ trong chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn là phù hợp với tình hình thực tế và điều kiện lịch sử của Trung Quốc đầu thế kỷ XX, phù hợp với nguyện vọng khao khát của nhân dân Trung Quốc về một nền độc lập thiêng liêng, một thiết chế dân chủ và một cuộc sống công bằng no ấm. Chủ nghĩa Tam dân không chỉ phù hợp với việc giải quyết các nhiệm vụ lịch sử bức xúc của Trung Quốc và các nước thuộc địa phụ thuộc ở Đông Nam Á mà còn chứa đựng nhiều chính sách lớn thích hợp với thời nay ở nhiều quốc gia.

Ngay từ đầu thế kỷ XX, Lê nin đã có một đánh giá sâu sắc và mang tính tổng quát về chủ nghĩa Tam dân: "Chủ nghĩa dân chủ trung thực và chiến đấu thâm sâu vào từng dòng chữ trong cương lĩnh của Tôn Dật Tiên. Cương lĩnh đó hiểu rõ rằng chỉ làm cách mạng chủng tộc không thôi thì không đủ... Cương lĩnh đó tán thành chủ nghĩa dân chủ hoàn chỉnh và đòi hỏi thành lập chế độ cộng hoà. Cương lĩnh đó trực tiếp đề cập đến vấn đề tình cảnh của quần chúng, nhiệt liệt đồng tình với những người lao động và bị bóc lột, tin tưởng rằng họ có chính nghĩa và sức mạnh.

Trước mắt chúng ta là một hệ tư tưởng thực sự vĩ đại của một dân tộc vĩ đại, một dân tộc chẳng những biết xót xa về tình trạng nô lệ lâu đời của mình, chẳng những biết ước mơ đến tự do và bình đẳng, mà còn biết đấu tranh chống lại những kẻ đã áp bức Trung Quốc hằng thế kỷ.

Tóm lại cần khẳng định rằng, cũng như mọi học thuyết tư tưởng khác, chủ nghĩa Tam dân không tránh khỏi hạn chế do điều kiện lịch sử, do thế giới quan và giai cấp xuất thân của tác giả, song những giá trị tích cực của nó đã có tác động không nhỏ tới sự tiến bộ của lịch sử Trung Quốc, có ảnh hưởng tới phong trào cách mạng của các nước phương Đông trong đó có Việt Nam. Mặt khác nhiều chính sách của chủ nghĩa Tam dân đến nay vẫn còn giữ nguyên giá trị đối với Trung Quốc và nhân loại.

CHƯƠNG 2

ẢNH HƯỞNG CỦA CHỦ NGHĨA TAM DÂN Ở VIỆT NAM

Chủ nghĩa Tam dân là một học thuyết rõ ràng và có hệ thống, chứa đựng nhiều chính sách tiên bộ phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Ngay từ khi mới ra đời, chủ nghĩa Tam dân sớm được truyền bá và có ảnh hưởng nhất định ở Việt Nam. sự truyền bá của chủ nghĩa Tam dân ở Việt Nam diễn ra qua nhiều con đường: Từ Tôn Trung Sơn và Đồng Minh hội trong thời gian hoạt động ở Việt Nam (1905-1908), từ sách báo của Cộng nhân dân Trung Hoa và Đài Loan, từ sách báo của các nước Anh, Pháp, Mỹ, Liên Xô (cũ), từ những người Việt Nam đã sống và hoạt động ở Trung Quốc truyền về.

2.1- ẢNH HƯỞNG CỦA CHỦ NGHĨA TAM DÂN ĐỐI VỚI PHONG TRÀO DÂN TỘC THEO KHUYNH HƯỚNG DÂN CHỦ TƯ SẢN

2.1.1- Ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân đối với Phan Bội Châu và các tổ chức cách mạng do ông lãnh đạo

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Trung Quốc và Việt Nam cùng là nạn nhân của sự xâm lược và áp bức của chủ nghĩa đế quốc phương Tây. Do đó, lịch sử hai dân tộc trong giai này có sự tương đồng. Mặt khác, giữa hai nước vốn có quan hệ mật thiết láng giềng gần gũi và lâu đời. Vì thế, mỗi bước phát triển của lịch sử mỗi nước đều có sự ảnh hưởng lẫn nhau.

Ở Việt Nam đến cuối thế kỷ XIX, phong trào Cần Vương chống Pháp dù nổ ra rất rầm rộ và anh dũng nhưng cuối cùng đã thất bại; con đường cứu nước dưới sự dẫn dắt của ý thức hệ phong kiến đã chứng tỏ sự bất lực hoàn toàn của nó trước các nhiệm vụ lịch sử của dân tộc.

Hoàn cảnh chính trị của thuộc địa lúc đó đã tương đối ổn định, thực dân Pháp liền bắt tay ngay vào việc khai thác bóc lột Việt Nam một cách ráo riết để thực hiện mục đích kinh tế tối thượng của công cuộc xâm lược. Dưới tác động của chính sách khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897-1918) của Pháp, cơ cấu kinh tế xã hội Việt Nam đã có những thay đổi đáng kể. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa du nhập

vào Việt Nam kết hợp với quan hệ bóc lột cũ - phong kiến đã đem lại nguồn siêu lợi nhuận cao và nhanh cho tư bản Pháp. Cuộc khai thác thuộc địa này đã bước đầu làm cho xã hội Việt Nam phân hoá. Giai cấp nông dân ngày càng bần cùng hoá, bị phá sản mất ruộng đất vì sưu cao thuế nặng. Giai cấp địa chủ quan lại được Pháp dung dưỡng cấu kết, biến thành tay sai của chúng "giai cấp công nhân non trẻ mới ra đời song còn ở trình độ tự phát, hai tầng lớp tư sản và tiểu tư sản cũng đang trong quá trình tập hợp để vươn lên thành giai cấp trong thời gian tới" [29, tr.150].

Sự chuyển biến trong cơ cấu kinh tế xã hội Việt Nam hồi đầu thế kỷ XX là cơ sở cho luồng tư tưởng mới của thế giới truyền vào, trước hết là từ Nhật Bản và Trung Hoa. Sự phân hoá xã hội diễn ra không đồng đều nên mặc dù có chung tư tưởng gốc rễ là yêu nước chống ngoại xâm, nhưng mức độ tiếp thu ảnh hưởng tư tưởng tư sản từ ngoài vào đậm nhạt khác nhau. Vì vậy nên trong cùng một thời kỳ có hai xu hướng bạo động và cải lương đã song song tồn tại. Có thể nói rằng, trong 20 năm đầu thế kỷ XX, hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu và phong trào dân tộc do ông sáng lập và lãnh đạo là nổi bật nhất. Với lòng yêu nước thiết tha vô bờ bến, với một trái tim nhạy cảm đầy nhiệt huyết và sự thông minh sắc sảo hiếm có, Phan Bội Châu đã vượt qua hạn chế của thành phần xuất thân, tiếp nhận hệ tư tưởng mới để lãnh đạo phong trào cứu nước trong những năm đầu thế kỷ XX. Khi thành lập Duy Tân hội (tháng 4-1904) Cụ Phan đã chủ trương giải phóng dân tộc, thiết lập nền quân chủ lập hiến. Qua thất bại của phong trào Cần vương, các nhà yêu nước đầu thế kỷ XX phần lớn đều nghĩ rằng, tự ta không đủ sức đánh đuổi giặc Pháp nên để làm cách mạng thành công thì không thể không cầu viện nước ngoài. Muốn tìm ngoại viện, lúc ấy không gì bằng sang Nhật, bởi vì Nhật là nước châu Á đồng văn, đồng chủng lại mới cải cách thành công mà cường thịnh. Hơn nữa, "Nhật là nước quân chủ lập hiến cho nên những người đi cầu viện tất phải so đường lối chính trị của mình với nước Nhật cho phù hợp do đó không có sự lựa chọn khác. Mặt khác, ảnh hưởng của Khang Hữu Vy và Lương Khải Siêu (Trung Quốc), của Garibaldi (Ý), Bismarck (Đức)... đều là ảnh hưởng của những người thuộc chủ nghĩa quân chủ" [19, tr.116]. Ngoài ra, việc chọn Cường Để (làm Hội chủ) - dòng dõi nhà Nguyễn có ảnh hưởng lớn đối với địa chủ phú hào ở Nam bộ được xem là một sách lược để thu

hút và tranh thủ sự ủng hộ tiền bạc cho Duy Tân hội. Năm 1905, Phan Bội Châu cùng Tăng Bạt Hổ và Đặng Tử Kính gánh vác sứ mệnh sang Nhật cầu viện. Khi tới Nhật, Cụ Phan đã hội kiến với Lương Khải Siêu là nhà cải cách bảo hoàng của Trung Hoa đang lánh nạn ở đó. Qua trao đổi, Lương Khải Siêu đã góp ý với Cụ Phan về chủ trương cầu viện Nhật Bản là rất nguy hiểm vì "quân Nhật đã một lần vào nước, quyết không lý gì đuổi ra được, thế là muốn tồn nước mình mà thiệt là làm cho chúng mất mà thôi. Quý quốc chớ lo không có cơ hội độc lập mà chỉ lo không có nhân tài hay chụp được cơ hội. Hễ đến ngày Đức - Pháp chiến tranh với nhau tức là cơ hội tốt cho quý quốc độc lập vậy" [7, tr.96]. Sau cuộc gặp đó, tư tưởng dựa vào viện trợ của Nhật ở Cụ Phan bắt đầu lung lay, đặc biệt là sau sự từ chối viện trợ của chính phủ Nhật. Phan Bội Châu đã chuyển từ cầu viện sang cầu học. Khi về nước được sự nhất trí của các lãnh tụ Duy Tân hội trong nước Cụ Phan đã cùng Duy Tân hội tổ chức "phong trào Đông du" đưa thanh thiếu niên - học sinh qua Nhật học tập.

Bên cạnh việc tổ chức phong trào Đông du, cụ Phan Bội Châu còn sáng tác thơ văn yêu nước in ấn gửi về nước để tuyên truyền cổ động nâng cao dân trí, chấn hưng dân khí, vận động nhân dân ủng hộ tài chính cho học sinh Đông du. Năm 1905, cũng tại Nhật, được Khuyến Dưỡng Nghị giới thiệu, Phan Bội Châu đã có hai cuộc hội kiến với Tôn Trung Sơn (lúc này Tôn Văn mới từ Mỹ tới, đang lưu lại Nhật để tổ chức Trung Quốc Đồng Minh hội). Cụ Phan đã gặp Tôn Văn hai lần tại khách sạn Trí Hoà Đường thuộc Hoàn Tân (Yokohama). Qua các cuộc tiếp xúc này, tư tưởng quân chủ ở cụ Phan bắt đầu có sự lung lay, tư tưởng dân chủ của chủ nghĩa Tam dân cũng bắt đầu có sự tác động đến nhận thức của cụ Phan. Trong tác phẩm hồi ký "Phan Bội Châu niên biểu", Cụ đã viết: "Ông Tôn vì đọc qua bản "Việt Nam vong quốc sử", ông biết trong óc tôi chưa thoát khỏi tư tưởng quân chủ nên ông hết sức bài bác đảng quân chủ lập hiến là hư nguy, mà kết thúc nghị luận thì cốt muốn Đảng nhân dân Việt Nam gia nhập Trung Quốc Cách mệnh đảng. Hễ đến lúc Trung Quốc Cách mệnh đảng thành công thì đưa cả toàn lực dắt hết các nước bị bảo hộ ở Á châu đồng thời được độc lập mà bước thứ nhất là viện trợ cho Việt Nam trước. Còn lời đáp của tôi thì cũng thừa nhận dân chủ cộng hoà là hoàn mỹ mà chủ

ý lại muốn Trung Quốc Cách mệnh đảng trước nên trợ giúp Việt Nam. lúc Việt Nam độc lập rồi thì xin lấy Bắc kỳ cho đảng Trung Quốc làm căn cứ địa sẽ tiến vào Lương Quảng mà lấy đến Trung nguyên". [7, tr.113-114].

Kết quả hai cuộc hội kiến đều không đi tới đâu vì theo cụ Phan thì cả hai bên "đều phơ phớt bề ngoài cả, tôi chưa biết nội dung đảng Cách mệnh Trung Quốc thế nào mà ông Tôn cũng chưa biết chân tướng Việt Nam Cách mệnh đảng ra thế nào! Hai bên ve vuốt nhau chỉ là đám mộng tưởng mà thôi, nhưng tinh thần thì vẫn đầm thắm. Đến ngày sau đảng ta cùng khôn, được nhờ đảng họ giúp giùm cũng nhiều, thì cũng là mô giới từ ở hai hôm hội đàm đó vậy" [7, tr.114], Nhờ Tôn Trung Sơn giới thiệu Phan Bội Châu đã có cuộc gặp gỡ với Cung Kỳ Thao Thiên - một nhà cách mạng chân chính của Nhật Bản. Cung Kỳ Thao Thiên đã chỉ cho Phan Bội Châu thấy bản chất đế quốc của giới cầm quyền tư sản Nhật Bản lúc bấy giờ. Ông nói: "Nhật Bản làm gì giúp cho các ngài được. Nhật Bản chính trị gia tất thấy đều giàu về phần dã tâm mà nghèo về phần nghĩa hiệp. Ông nên khuyên các thanh niên học tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Đức để kết giao thế giới cho thiệt nhiều..." [7, tr.186]. Nhờ thế mà ngay từ năm 1908, Phan Bội Châu đã tiếp nhận tư tưởng liên kết cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới. Trên cơ sở tiếp cận với các nhà chính trị châu Á lưu vong tại Nhật, Phan Bội Châu đã sáng lập ra Đông Á Đồng Minh hội với mục đích liên lạc giữa các tổ chức cách mạng Đông Á, dìu dắt giúp đỡ nhau nổi dậy lật đổ ách thống trị của thực dân phương Tây. Trong "Phan Bội Châu niên biểu", Cụ viết: "Buổi đầu tiên tôi nghĩ, liên hiệp toàn châu Á, đoàn kết với chí sĩ các nước bị mất, dìu dắt các dân tộc cùng bước lên sân khấu cách mạng, một mặt tuyên truyền cách mạng giáo dục nhân dân..." [13, tr.165]. Ngoài ra Phan Bội Châu còn nhận thấy vị trí và ảnh hưởng to lớn của phong trào cách mạng Trung Quốc nên cụ đã tìm cách liên hệ, đoàn kết, tập hợp lưu học sinh các tỉnh Vân Nam, Quảng Đông, Quảng Tây để thành lập hội Điền - Quế - Việt liên minh. Lưu học sinh Việt Nam là một chi hội của tổ chức này.

Đông Á Đồng Minh hội tồn tại được 5 tháng thì bị Anh, Pháp tác động buộc chính phủ Nhật giải tán, Hội Điền - Quế - Việt cũng chỉ sống được 3 tháng thì nhà Thanh và Pháp yêu cầu chính phủ Nhật đóng cửa Hội do đó cũng chấm dứt hoạt

động. Qua đó, Phan Bội Châu càng hiểu rõ bản chất của chủ nghĩa đế quốc. Trong tập “Niên biểu” Cụ viết: *"Chúng ta phải biết hệ đương ở trong thế giới cường quyền thiết không m' t h' i chính nghĩa công lý nào lú mặt với bọn đế quốc được"* [7, tr.191]. Qua tiếp xúc với Tôn Trung Sơn và các lưu học sinh Trung Quốc thuộc chi bộ Vân Nam của Trung Quốc Đồng Minh hội và làm biên tập cho tờ Vân Nam tạp chí, Phan Bội Châu đã tiếp thu tư tưởng dân chủ của chủ nghĩa Tam dân. Sự chuyển biến này được cụ Phan thừa nhận: *"Tôi vì ăn ở, đi lại với người Trung Quốc đã khá lâu mà khiến cho tư tưởng của tôi cũng ngấm ngấm xoay về dân chủ. Sở dĩ chưa dám kêu to nói lớn là vì kế hoạch gốc tự thưở trước chưa thể thay đổi được, nhưng ở trong óc đã chứa sẵn đ' ng cơ thế nào cũng m' t phen thay đổi"* [7, tr.149]. Nhưng rồi trước sự đàn áp dã man của đế quốc Pháp, các cơ sở của Duy Tân hội ở trong nước dần dần tan vỡ, phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục (1907), phong trào chống thuế ở Trung kỳ nối tiếp nhau bị đàn áp. Ở nước ngoài, quân phiệt Nhật trở mặt, triều đình nhà Thanh vào hòa với Pháp nên phong trào Đông du bị giải tán, Đông Á Đồng Minh, Điền - Quế - Việt liên minh đều bị thủ tiêu. Phan Bội Châu và các đồng chí của ông bị Nhật Bản trục xuất phải về Trung Quốc. Nhưng rồi vì không có điều kiện hoạt động cho cách mạng Việt Nam trên đất Trung Quốc, cụ Phan lại phải qua Thái Lan tạm trú để chờ thời cơ. Tháng 10 năm 1911, cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc bùng nổ, chỉ không đầy 3 tháng, quân cách mạng đã giành thắng lợi lớn, triều đình Mãn Thanh sụp đổ, chính phủ Trung Hoa Dân Quốc thành lập ở Nam Kinh. Tin lành đó mang đến cho Phan Bội Châu và các đồng chí của ông một niềm phấn khởi mới. Khắp vùng Đông Nam Á lúc này đều hướng về Trung Quốc cách mạng. Phan Bội Châu phân tích tình hình: *"...Chính phủ Trung Hoa mới không hũ bại như chính phủ Trung Hoa cũ, Trung Hoa tất nối theo Nhật Bản làm một nước mạnh. Nếu hai nước Trung, Nhật thầy đồ toàn lực mà kinh với Âu châu thì chẳng những Việt Nam mà cả Ấn Độ, Phi Luật Tân cùng đồng thời độc lập cả thầy"* [7, tr.217].

Ngay sau đó, Phan Bội Châu từ Thái Lan lập tức quyết định lên đường trở lại Trung Quốc hoạt động. Cùng lúc đó, một số nhà cách mạng lâu nay nấu mình chờ thời trên đất Trung Quốc cũng tập trung nhau lại ở Quảng Đông là trung tâm của cách mạng Trung Quốc lúc đó. Đồng thời số thanh niên trong nước cũng bí mật trốn

sang Trung Quốc. "Nguyễn Trọng Thường - một thanh niên yêu nước từ Hà Nội sang cho biết: Việc Cách mạng Trung Hoa thành công có ảnh hưởng to lớn đến nước ta, nhân dân phấn khởi hơn trước nhiều lắm, nếu bây giờ ở ngoài tạo được thanh thế thì không lo gì khí thế bên trong không sống lại được". Nhân dân ta phấn khởi tin tưởng đến mức độ nhiều nhà công khai treo ảnh Tôn Trung Sơn. "Kết quả là trên cơ sở các lực lượng yêu nước, cách mạng được tập hợp đông đảo. Đến đầu tháng 6-1912, một cuộc Hội nghị có đông đủ đại biểu ba xứ Trung - Nam - Bắc tại Quảng Châu đã quyết định thành lập tổ chức cách mạng mới lấy tên là Việt Nam Quang Phục hội (VNQPH) để thay thế cho Duy Tân hội đã ngừng hoạt động và mất hết vai trò lịch sử từ năm 1909" [29, tr.152-153].

VNQPH ra đời đã đánh dấu bước tiến mới của phong trào cách mạng Việt Nam. tại Hội nghị thành lập của Việt Nam Quang Phục hội, Phan Bội Châu đã tuyên bố: "Tôi, từ sau khi sang Nhật, được nghiên cứu các nguyên nhân cách mạng nước ngoài và chính thể các nước, thì rất say sưa về lý luận của Lư Thoa (Rút xô), và lại được giao tiếp với các đồng chí Trung Hoa nhiều nên trong đầu óc đã xếp tư tưởng quân chủ vào một xô, nhưng sợ dĩ trước kia chưa dám bộc lộ là vì trước đó ở trong nước ra đi dựa vào quân chủ mà được nhiều người tin theo, nếu cục diện hãy còn như xưa thì mình cũng không dám thay đổi hẳn, vì thế đứng giữa hội trường, tôi mạnh dạn đề ra nghị án "dân chủ chủ nghĩa" [7, tr.221]. VNQPH đã xác định rõ tôn chỉ duy nhất của hội là "đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa Dân quốc Việt Nam. Về tổ chức, Việt Nam Quang Phục hội chia làm ba bộ:

- Bộ Tổng Vụ (do Cường Để làm hội trưởng, Phan Bội Châu làm hội phó kiêm Tổng lý).

- Bộ Bình Nghị (lấy đại biểu của ba miền, mỗi miền một người).

- Bộ Chấp Hành (gồm 10 người là các ủy viên phụ trách các mặt: kinh tế, ngoại giao, quân sự...)

Như vậy, về tôn chỉ và tổ chức VNQPH hoàn toàn mô phỏng Trung Quốc Đồng Minh hội, song đi sâu vào nội dung thì Việt Nam Quang Phục hội chưa đạt tới trình độ của Trung Quốc Đồng Minh hội mà mới chỉ bằng cương lĩnh của Hưng

Trung hội là thời kỳ cách mạng mới có tính chất tư sản chứ chưa có khẩu hiệu. “Bình quân địa quyền” của Đồng Minh hội Trung Quốc. Tuy nhiên lập trường của cụ Phan và các đồng chí của cụ trước đây vốn theo quân chủ thì bây giờ đã chuyển hẳn sang dân chủ. Do đó, với sự ra đời của Việt Nam Quang Phục hội, Phan Bội Châu và phong trào dân tộc do ông lãnh đạo đã hoàn toàn chuyển hẳn sang lập trường dân chủ cộng hoà - tư tưởng cốt lõi của chủ nghĩa Dân quyền trong chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn.

Tháng 2-1912, Phan Bội Châu đến Nam Kinh để gặp Tôn Trung Sơn. Vì công việc quá bận rộn, Tôn Trung Sơn chỉ tiếp Phan Bội Châu được vài phút nên về cơ bản cuộc gặp không mang lại được một thoả thuận đáng kể nào. Tôn Trung Sơn đã cử Hoàng Hưng thay mặt tiếp Phan Bội Châu. Khi cụ Phan đề nghị Trung Quốc viện trợ giúp Việt Nam thì Hoàng Hưng đã trả lời: "Viện Việt là nghĩa vụ của bọn tôi mà không thể từ được, nhưng lúc này bàn tới còn quá sớm. Nay chỉ giúp các ngài được một việc là tuyển phái học sinh Việt Nam vào học đường hay quân dịch Trung Hoa, chứa sẵn nhân tài chờ cơ hội, dầu có chậm trễ cũng không quá 10 năm... Ngoài chuyện ấy, không việc gì giúp các ngài được".

Việt Nam Quang Phục hội được thành lập trong không khí tràn ngập phấn khởi và tin tưởng vào cách mạng Trung Quốc vừa mới thành công. Tuy nhiên, thành quả cách mạng nhanh chóng rơi vào tay bọn quan liêu quân phiệt Viên Thế Khải, do đó những người cách mạng Trung Quốc đã không giúp đỡ cho VNQPH được gì nhiều. Các lãnh tụ VNQPH đều nhận rõ cơ sở trong nước còn rất yếu, sau các vụ khủng bố trắng trợn vào những năm 1908-1909, phong trào Duy Tân hội suy giảm. Từ nhận định đó họ cho rằng, việc vận động trong nước nếu không có một tiếng vang lớn thì không có hiệu quả nên cần có "dấu hiệu kịch liệt" để gọi hồn nước trong dân chúng. Mấy cuộc bạo động lẻ tẻ ở Hà Nội, Thái Bình tuy có khuấy động chút đỉnh dư luận trong và ngoài nước, nhưng đã tạo cơ hội cho thực dân Pháp tăng cường khủng bố, nhiều người bị bắt, có người bị xử tử. Phan Bội Châu cũng bị toà án thực dân kết án tử hình vắng mặt và sau đó bị quân phiệt Long Tế Quang bắt giam từ 1913 đến 1916. Năm 1914, nhân Chiến tranh thế giới lần thứ nhất bùng nổ, các thành viên còn được tự do của VNQPH đã tranh thủ thời cơ tăng cường các hoạt

động vũ trang. Các cuộc tấn công một số đồn binh của Pháp dọc biên giới Việt - Trung của VNQPH đều bị Pháp đẩy lùi, âm mưu khởi nghĩa ở kinh thành Huế (1916) cũng bị Pháp "bóp chết từ trong trứng". Đáng chú ý nhất trong các hoạt động của VNQPH là cuộc khởi nghĩa ở Thái Nguyên năm 1917. Nhờ sự tuyên truyền vận động của các tù nhân VNQPH mà binh lính ở đây đã cùng các tù nhân nổi dậy khởi nghĩa. Tuy làm chủ được tỉnh lỵ suốt một tuần lễ song do không phát động sự tham gia của quảng đại quần chúng nên cuối cùng thất bại. Sự lãnh đạo của Lương Ngọc Quyến (vốn là uỷ viên phụ trách quân sự của Việt Nam Quang Phục hội) và sự tham gia của nhiều thành viên Việt Nam Quang Phục hội khác đã chứng tỏ được tinh thần bất khuất, sẵn sàng hy sinh cứu nước của tổ chức này. Cuộc khởi nghĩa này bên cạnh ảnh hưởng của Trung Quốc Đồng Minh hội (về phương pháp tổ chức về tôn chỉ) cũng bộc lộ mặt hạn chế của Việt Nam Quang Phục hội. Đó là các lãnh tụ VNQPH thiếu khả năng tổ chức và lãnh đạo, thiếu một đường lối chính sách đúng đắn để thu hút và tập hợp quần chúng nhân dân - chủ lực quân của cách mạng. Đây cũng là hạn chế nói chung của các sĩ phu yêu nước Việt Nam lúc bấy giờ. Do đó, VNQPH dễ dàng đi đến những sai lầm như: "Ít chú trọng đến tổ chức quần chúng mà nặng về ám sát cá nhân, chuộng các hành động phiêu lưu dẫn tới sự tan rã nhanh chóng".

Mặc dù thất bại VNQPH đã đánh dấu một bước tiến quan trọng trong phong trào cách mạng Việt Nam. Nó cũng đánh dấu sự phát triển quan trọng về tư tưởng chính trị của các nhà cách mạng gốc sĩ phu phong kiến ở đầu thế kỷ XX.

Sau khi cách mạng tháng Mười Nga thành công, Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Trung Quốc thành lập đã giúp đỡ Tôn Trung Sơn và Quốc Dân đảng của ông, do đó tư tưởng của "Tôn tiên sinh" có sự chuyển biến quan trọng hướng theo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân phù hợp với cương lĩnh của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Tôn Trung Sơn đã giải thích lại chủ nghĩa Tam dân, cải tổ lại Quốc Dân đảng, đề ra ba chính sách lớn, thực hiện Quốc - Cộng hợp tác để đưa cách mạng Trung Quốc tiến tới. Sự phát triển tư tưởng dân chủ của Tôn Trung Sơn ở thời kỳ này cũng lại có ảnh hưởng mạnh mẽ tới Phan Bội Châu. năm 1924, cụ Phan đã bàn bạc với các đồng chí còn lại của Việt Nam Quang Phục hội quyết định cải tổ nó

thành Việt Nam Quốc Dân đảng (VNQDDĐ). Phan Bội Châu cho biết: "...Tôi mới khởi thảo một bản VNQDDĐ chương trình và VNQDDĐ đảng cương... Trong qui mô tổ chức ở trong bản chương trình này, tất cả dựa theo khuôn mẫu của Trung Quốc Quốc Dân đảng mà chêm chước thêm bớt cho đúng với tình hình nước ta" [7, tr.303-304].

Cụ Phan Bội Châu cũng đã tìm hiểu về cách mạng tháng Mười Nga qua sứ quán Liên Xô ở Trung Quốc và để tâm nghiên cứu về chủ nghĩa Lê nin. Tháng 11-1024, Nguyễn Ái Quốc đã đến Trung Quốc, trao đổi góp ý với cụ Phan rằng: "Chương trình Đảng cương của Việt Nam Quốc Dân đảng là chưa hoàn thiện, nhiều lần đề nghị Cụ sửa sang lại, song Phan Bội Châu chưa kịp thực hiện thì bị mật thám bắt nên công việc dang dở. Vì thế mà Phan Bội Châu không thực hiện được việc dự định tiếp theo của mình.

2.1.2- Ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân đối với Việt Nam Quốc Dân đảng của Nguyễn Thái Học

Sau khi cách mạng Tân Hợi thành công, chủ nghĩa Tam dân càng trở nên có sức hấp dẫn đối với Việt Nam - một dân tộc có số phận tương tự Trung Hoa. Đặc biệt là vào những năm đầu thập niên 20 của thế kỷ XX, khi Quảng Châu trở thành thủ đô của phái cách mạng Tôn Trung Sơn, nơi gần sát Việt Nam nên chủ nghĩa Tam dân ảnh hưởng càng mạnh mẽ trong các thanh niên trí thức tân học tiểu tư sản và tư sản Việt Nam. Mặt khác, như giáo sư Trần Văn Giàu phân tích: "Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên đơn giản và có hệ thống hợp với "Tam đại chính sách" ở thời kỳ 1924-1926 (...) Xuất hiện như một học thuyết cách mạng tiến bộ, tuy chưa phải là chủ nghĩa xã hội nhưng đã cao hơn các học thuyết cách mạng dân chủ tư sản đã lưu hành ở Việt Nam đầu thế kỷ lúc bấy giờ. Người yêu nước Việt Nam thường xem ông Lư (Rút xô) ông Mạnh (Môngtexkiơ) là xa xôi lắm, khó hiểu quá. Truyện Cam Địa (Găng đy) nghe cũng hay hay nhưng học thuyết Cam Địa là thế nào thì chẳng ai biết; vả lại phong trào cách mạng Ấn Độ chẳng lấy gì làm cao để có thể hấp dẫn. Trái lại, chủ nghĩa Tôn Dật Tiên thì rõ ràng, gần gũi như "hợp khẩu vị" đối với nhiều người yêu nước Việt Nam tiểu tư sản hay tư sản. Nó có thể làm cơ sở lý luận

và phương lược cho đảng cách mạng dân tộc Việt Nam, nó có sức hấp dẫn đối với một số trí thức mới cũng như phần lớn nhà Nho cũ.

Ông Trần Huy Liệu, một cựu đảng viên của Việt Nam Quốc Dân đảng, trong tác phẩm "Tài liệu tham khảo Lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam, tập V, ở phần Việt Nam Quốc Dân đảng đã viết: "Học thuyết Tôn Văn và chủ nghĩa Tam dân đã mở ra cho các nhà cách mạng cấp tiến Việt Nam một phương trời mới, có người tìm cách biến chủ nghĩa Dân tộc Trung Quốc thành chủ nghĩa Dân tộc Việt Nam bằng cách đem vào nội dung Việt Nam". Chính sự truyền bá chủ nghĩa Tam dân trong những năm đầu thập niên 20 của thế kỷ XX đã đi tới sự hình thành nên các nhóm tín đồ của chủ nghĩa Tam dân - cơ sở cho sự ra đời của Việt Nam Quốc Dân đảng (24-12-1927). Đó là các nhóm trí thức yêu nước tư sản và tiểu tư sản tập hợp trong Nam Đồng thư xã của Phạm Tuấn Tài, Cường Học thư xã của Trần Huy Liệu, Việt Nam Quốc Dân của Nguyễn Khắc Nhu, và nhóm của Hoàng Văn Tùng ở Thanh Hoá...

Trên cơ sở các tổ chức kể trên, Nguyễn Thái Học đã cùng với Nam Đồng Thư xã tập hợp, thống nhất lại thành lập ra VNQDD năm 1927. Về cơ cấu tổ chức và tư tưởng chính trị Việt Nam Quốc Dân đảng đều có sự ảnh hưởng của Trung Quốc Quốc Dân đảng và chủ nghĩa Tam dân. Tôn chỉ mục đích của VNQDD ghi rõ:

- Làm cách mạng dân tộc.
- Xây dựng nền cộng hòa dân chủ trực tiếp.
- Giúp đỡ các dân tộc bị áp bức.

Tôn chỉ này là sự Việt Nam hoá tư tưởng cốt lõi của chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa Dân quyền trong chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn. Mặc dù kỷ luật đảng không nghiêm, tổ chức không khéo (để cho bọn mật thám của Pháp chui vào) song VNQDD đã xây dựng và phát triển được khá nhiều cơ sở ở "Vĩnh Yên, Phú Thọ, Sơn Tây (Hà Tây). Cuối năm 1928 đầu năm 1929, VNQDD đã phát triển thêm nhiều cơ sở mới ở Hải Dương, Hưng Yên, Hải Phòng, Hà Nội và Thái Bình. Theo tài liệu dò xét được của mật thám Pháp thì riêng Bắc Kỳ, Việt Nam Quốc Dân đảng đã lập được 120 chi bộ với khoảng 1500 đảng viên trong đó có 120 người là cai, đội, lính Khố Đỏ. Ở Trung kỳ, Việt Nam Quốc Dân đảng hầu như không phát triển

được lực lượng vì ở các tỉnh Trung kỳ, cơ sở của Hội Việt Nam thanh niên và Tân Việt cách mạng đảng quá mạnh. Ở Nam kỳ Việt Nam Quốc Dân đảng xây dựng được một số chi bộ ở Sài Gòn, Chợ Lớn, Mĩ Tho" [10, tr.86].

Sau vụ ám sát tên trùm mộ phu Ba Danh năm 1929, tuy có làm nức lòng các tầng lớp nhân dân, nhưng sau đó đã bị thực dân Pháp đàn áp dữ dội. Sau 5 tháng lùng bắt, đến tháng 7-1929, Pháp đã bắt được 225 đảng viên đưa ra xét xử và giam cầm trong nhà tù. Hầu hết các cơ sở của VNQDD ở Hà Nội, Thái Bình, Hưng Yên, Bắc Ninh bị mật thám Pháp phá vỡ. Trước tình hình đó, ban lãnh đạo VNQDD đã quyết định phát động khởi nghĩa với tinh thần "không thành công cũng thành nhân".

"Do thiếu chặt chẽ trong tổ chức, thiếu thống nhất trong lãnh đạo, kế hoạch khởi nghĩa hoãn đi hoãn lại nhiều lần, lại bị thực dân Pháp điên cuồng khủng bố nên khởi nghĩa nổ ra không đều. Tại vùng Lâm Thao, Hưng Hoá, Sơn Tây, Phả Lại, Vĩnh Bảo, Kiến An, Phú Dục, khởi nghĩa nổ ra đều, không thành công. Chỉ có cuộc khởi nghĩa Yên Bái đêm 9-2-1930, nơi khởi sự cho phong trào đã chiếm được trại lính số 5 và trại lính số 6, nhưng không làm chủ được tình hình, không lôi kéo được toàn bộ lính Khố Xanh nên sáng hôm sau Pháp tập trung lực lượng phản công và cuộc khởi nghĩa nhanh chóng bị dập tắt" [10, tr.87]. Cuộc khởi nghĩa tuy thất bại, nhiều đảng viên của Việt Nam Quốc Dân đảng đã anh dũng, bất khuất trước kẻ thù, sẵn sàng bước lên máy chém. Nguyễn Thái Học và các đồng chí trung kiên của ông đã nêu tấm gương anh hùng bất khuất sẵn sàng chiến đấu đến hơi thở cuối cùng vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Sau cuộc bạo động Yên Bái, ngọn cờ phản đế phản phong, ngọn cờ giải phóng dân tộc đã chuyển hẳn qua giai cấp vô sản.

2.2- ẢNH HƯỞNG CỦA CHỦ NGHĨA TAM DÂN ĐỐI VỚI PHONG TRÀO DÂN TỘC THEO KHUYNH HƯỚNG VÔ SẢN VÀ LỊCH SỬ VIỆT NAM SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

2.2.1- Ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân đối với phong trào dân tộc theo khuynh hướng vô sản trước Cách mạng tháng Tám 1945

Cần phải khẳng định là ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân đối với Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là đáng kể nhất còn với những người cộng sản Việt Nam

khác thì hầu như không có gì nhiều. Sở dĩ có tình trạng như vậy là vì những người cộng sản lúc bấy giờ đều chưa nhận thức được một cách khách quan và đúng đắn về chủ nghĩa Tam dân. Từ những năm 1929 trở đi với sự xuất hiện các tổ chức Cộng sản ở trong nước có một luận điểm cho rằng, chủ nghĩa Cộng sản thuộc ý thức hệ vô sản theo chủ nghĩa quốc tế phải phê phán, đấu tranh với chủ nghĩa Tam dân thuộc ý thức hệ tư sản và tiểu tư sản theo chủ nghĩa dân tộc cải lương... Trong các lớp huấn luyện của các tổ chức cộng sản, đều có nội dung này" [63, tr.270]. Luận điểm này của những người cộng sản có lẽ cũng bắt nguồn từ việc tiếp thu tinh thần nghị quyết của Đại hội VI Quốc tế cộng sản. Trong nghị quyết được Đại hội VI thông qua ngày 01-9-1928 có nhận xét: "Chủ nghĩa Tôn Trung Sơn là hệ tư tưởng của chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản và nhân dân. Bọn hậu sinh của học thuyết này đã đi quá xa tính chất đúng đắn của học thuyết, về khách quan trở nên phản động và người ta làm cho hệ tư tưởng chính thống của Quốc Dân đảng công khai trở thành phản cách mạng" [63, tr.262].

Một lý do thứ hai để chính người cộng sản chưa nhận thức đúng về chủ nghĩa Tam dân nữa là vì họ đã được trang bị lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin, một hệ tư tưởng tiên tiến, cách mạng, có lý tưởng cao đẹp, sát với yêu cầu của cách mạng Việt Nam lúc đó hơn chủ nghĩa Tam dân.

Vì thế mà trong những năm từ 1929-1945, những người cộng sản Việt Nam thường có thái độ phê phán chủ nghĩa Tam dân. Năm 1931, ông Mậu Lĩnh có hai bài đăng trên báo Tiếng Dân. Ông Ng-T-Th có một bài viết phê phán chủ nghĩa Tam dân. Ông Trần Văn Giàu (bút danh Hồ Nam) có đăng trên tạp chí Cahiers du Bolchevisme (cơ quan tuyên truyền của Đảng Cộng sản Pháp) bài với tiêu đề "Tình hình kinh tế và chính trị ở Đông Dương và những nhiệm vụ bức thiết của Đảng Cộng sản Đông Dương" cũng phê phán chủ nghĩa Tam dân. Tinh thần đấu tranh với chủ nghĩa Tam dân được các đảng viên Cộng sản mang vào trong nhà tù thực dân khi họ gặp gỡ với các đảng viên của Việt Nam Quốc Dân đảng. Kết quả của cuộc đấu tranh này là trình độ chính trị, lập trường tư tưởng của những người Cộng sản được nâng lên, không có ai ngã sang Quốc Dân đảng. Ngược lại phía Quốc Dân đảng có sự phân hoá, một bộ phận ngã sang Đảng Cộng sản.

Trong phong trào dân tộc theo khuynh hướng vô sản giai đoạn này riêng Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là người có sự tiếp thu từ chủ nghĩa Tam dân một cách độc đáo. Phải chăng đó chính là một trong những năng lực của bậc vĩ nhân? Với một trí tuệ siêu việt và một phương pháp tiếp cận khoa học, Hồ Chí Minh đã có sự đánh giá chủ nghĩa Tam dân một cách chính xác, và Người đã tiếp thu những mặt tích cực trong hệ tư tưởng này. Mặt khác cần thấy rằng, cách tiếp thu của Hồ Chí Minh là tiếp thu có chọn lọc và kết hợp với những tinh hoa khác để phát triển nó lên trình độ mới.

Ngay từ những năm đầu thập niên 20 của thế kỷ trước, Hồ Chí Minh đã có sự quan tâm theo dõi tình hình cách mạng Trung Quốc, có sự quan hệ với những người Hoa sống trên đất Pháp. Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã viết báo về những vấn đề chính trị ở Trung Quốc. Bài báo đầu tiên Người viết về Trung Quốc và Tôn Trung Sơn khi đang ở Liên Xô (cũ) được đăng trên tập san Inprekorr của Quốc tế Cộng sản. Nguyễn Ái Quốc đã giành cho Tôn Trung Sơn và phái cách mạng sự ủng hộ, đồng thời lên án chủ nghĩa đế quốc và bọn quân phiệt đã gây ra cuộc nội chiến ở Trung Quốc. Bài báo của Nguyễn Ái Quốc có tên là "Các nước đế quốc chủ nghĩa và Trung Quốc". Người viết: "Chúng ta đã thấy rằng, dưới nhiều lý do khác nhau, các nước tư bản chủ nghĩa đã can thiệp vào Trung Quốc trước sau cũng chỉ nhằm một kết quả là bắt nhượng đất và lấy tiền bồi thường... Trong cuộc can thiệp hiện nay, bọn đế quốc nhằm hai mục đích, trước hết giành thêm những nhượng bộ mới sau nữa đây là mục đích chủ yếu - lật đổ Tôn Dật Tiên (...) Trái lại Tôn Dật Tiên - người cha của cách mạng Trung Quốc, người đứng đầu chính phủ Quảng Châu thì luôn luôn trung thành với những nguyên lý của mình ngay cả lúc khó khăn nhất. ***Cương lĩnh của Đảng ông - Quốc Dân đảng là một cương lĩnh cải cách***, cương lĩnh đó gồm những điều khoản chống đế quốc và chống quân phiệt một cách rõ rệt. Đảng đó lớn tiếng tuyên bố đoàn kết với các dân tộc bị áp bức, các nước thuộc địa, với giai cấp vô sản quốc tế. Đảng đó đồng tình với cách mạng Nga (...) Chính vì thế mà ngày nay người ta (chủ nghĩa đế quốc) đang tìm cách thanh toán Tôn Dật Tiên và đảng của ông, cũng như trước đây người ta đã tìm cách bóp chết nước Nga cách mạng vậy" [13, tr.315-320]. Qua đó chúng ta thấy Nguyễn Ái Quốc sau khi tìm ra

con đường cứu nước gắn với cách mạng Vô sản rồi, song khi đến Liên Xô, bên cạnh nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin thì Người vẫn nghiên cứu cả chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn.

Ngày 13-11-1925, nhân kỷ niệm sinh nhật Tôn Trung Sơn, Nguyễn Ái Quốc đã viết bài nhan đề "Những sự biến ở Trung Quốc" gửi từ Quảng Châu về đăng báo L'An Nam số 118, ngày 02-12-1925. Bài viết có đoạn: "Chúng tôi không thể không nói đến tình cảm của nhân dân Quảng Châu và cả tỉnh Quảng Châu kỷ niệm ngày sinh của Tôn Dật Tiên. Sự ân cần của nhân dân chúng tỏ người Trung Hoa biết ơn vị lãnh tụ cách mạng quá cố đến nhường nào; biết ơn Người đã thức tỉnh ở họ ý chí tự giải phóng khỏi mọi áp bức về ngoại giao mà không có gì bào chữa nổi hiện nay" [63, tr.260].

Ngày 31-12-1926, trong bài "Các sự biến ở Trung Quốc" Nguyễn Ái Quốc viết: "... Người nước ngoài thấy rằng sau một năm lập chính phủ Quốc Dân ở Quảng Châu và ở các tỉnh, sự kiểm soát của những người dân tộc chủ nghĩa lan ra dần dần, những biện pháp về chính trị và hành chính nhằm mục đích thiết lập ở Trung Quốc một chính phủ của dân, do dân và vì dân theo ba nguyên tắc lớn của người sáng lập Quốc Dân đảng" [44, tr.477].

Trong những năm từ 1924-1927, Hồ Chí Minh được Quốc tế Cộng sản giao nhiệm vụ đến hoạt động ở Trung Quốc, Người đã tiếp tục nghiên cứu về chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn. Do đó, Người đã có những đánh giá chính xác về nó như: "Cương lĩnh của Tôn Dật Tiên là cương lĩnh cải cách", "Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm là chính sách của nó phù hợp với điều kiện của Việt Nam". Người đã đánh giá tổng kết về nội dung khái quát của chủ nghĩa Tam dân là:

"Chủ nghĩa Dân tộc: Độc lập cho mọi dân tộc.

Chủ nghĩa Dân quyền: Tự do cho nhân dân"

Chủ nghĩa Dân sinh: Hạnh phúc và hưởng thụ của nhân dân" [56, tr.280].

Những tri thức lý luận tiếp thu được, Hồ Chí Minh không dừng lại ở đó mà còn kết hợp nhuần nhuyễn với những tinh hoa khác để phát triển nó lên một trình độ

mới, chỉnh lý nó cho phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam; để vận dụng chúng vào việc lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

2.2.2- Ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân đối với lịch sử Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám

Trong hoàn cảnh mới của đất nước, chủ nghĩa Tam dân được các đảng viên Cộng sản nhìn nhận lại một cách khách quan công bằng hơn trước. Nó được các đảng viên Cộng sản đánh giá trên cả hai phương diện tích cực lẫn hạn chế, nhưng cũng vẫn còn chứa đựng cả những đánh giá quá khắt khe lẫn những cái nhìn dễ dãi.

Nhân kỷ niệm ngày sinh của Tôn Trung Sơn, báo Cờ giải phóng, cơ quan tuyên truyền cổ động của Đảng Cộng sản Đông Dương số 33 ngày 18-11-1945 đăng bài "Nhân ngày kỷ niệm Tôn Trung Sơn" của S.T (Sơn Tùng - Lê Hữu Kiều). Bài báo nhắc lại lời nói của Tôn Văn: "Cách mạng Trung Hoa không những có nhiệm vụ giải phóng cho dân tộc mình mà còn có nhiệm vụ giải phóng các dân tộc nhỏ yếu ở Á Đông nữa... Quốc Dân đảng Trung Hoa muốn làm tròn nhiệm vụ trên nhất định phải liên minh với nước Nga Xô - Việt, phải bắt tay Đảng Cộng sản Trung Quốc và bảo vệ đời sống của công nông (...) Chủ trương của Tôn Tổng lý là con đường duy nhất đưa cách mạng Trung Hoa tới chỗ thành công" "Những lời nói của Tôn Tổng lý, những kinh nghiệm của cách mạng Tàu là những bài học hết sức quý báu" [63, tr.274].

Sau Cách mạng tháng Tám đến năm 1989, nhiều nhà xuất bản Nhà nước và tư nhân đã xuất bản nhiều sách về Tôn Trung Sơn, chủ nghĩa Tam dân, Cách mạng Tân Hợi dưới hình thức biên soạn tóm tắt ngắn gọn.

Trong giáo trình Lịch sử thế giới cận đại của các trường Đại học Sư phạm và Đại học Tổng hợp, những năm từ 1954-1985 cũng giành một mục để giới thiệu khái quát về Cách mạng Tân Hợi, vài nét về cuộc đời của Tôn Trung Sơn và chủ nghĩa Tam dân.

Ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân đối với lịch sử Việt Nam rõ nét hơn cả vẫn được thể hiện qua vĩ nhân Hồ Chí Minh. Sau Cách mạng tháng Tám, trên tiêu ngữ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh đã trang trọng đặt ở hàng thứ hai dòng chữ "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" làm khẩu hiệu mục tiêu phấn đấu

cho dân tộc. "Khẩu hiệu này được Hồ Chí Minh rút ra từ chủ nghĩa Tam dân và tư tưởng "Tự do - Bình đẳng - Bác ái" của Cách mạng Tư sản Pháp.

Người đã phát triển khái niệm "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc", nâng lên một trình độ mới mang tính giai cấp, tính nhân dân, tính dân tộc và tính cách mạng triệt để của cách mạng dân tộc dân chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin làm nền tảng tư tưởng" [18, tr62].

Trong quan niệm về chủ nghĩa Dân tộc và Dân quyền, Hồ Chí Minh không chỉ nêu lên khẩu hiệu chống đế quốc và phong kiến nói chung mà còn nâng lên độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh ruộng đất của Đảng ta do Hồ Chí Minh lãnh đạo không phải kiểu "bình quân địa quyền" như Tôn Trung Sơn đã nêu mà thực hiện người cày có ruộng thực sự. Chủ nghĩa dân sinh trong tư tưởng Hồ Chí Minh mang nội dung mới phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam và mang tính cách mạng kiên quyết triệt để hơn Tôn Trung Sơn.

Nhìn lại lịch sử Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám, dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, ta thấy Người đã vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê nin kết hợp với chủ nghĩa Tam dân vào thực tiễn cách mạng nước ta thật tài tình và sáng tạo. Việc thành lập Chính phủ Lâm thời, rồi Chính phủ Liên hiệp lâm thời và Chính phủ Liên hiệp Kháng chiến trong những năm 1954, 1946 cho thấy Người đã lập chính phủ Dân chủ Cộng hoà lập hiến tương tự chính phủ Trung Hoa Dân Quốc của Tôn Trung Sơn. Đó là chính phủ mà thành phần mang tính dân chủ gồm các đảng phái, những nhân sĩ trí thức không đảng phái, có cả một vài quan lại cũ nữa (xem phụ lục 2.2).

Chúng ta có thể thấy, ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân ở Hồ Chí Minh được thể hiện qua hai tác phẩm dưới đây:

Trong "Thư gửi đồng bào toàn quốc nhân kỷ niệm ngày Cách mạng tháng Tám thành công" năm 1947 của Hồ Chí Minh có đoạn viết: "...Theo gót Cách mạng 1911 của Tàu, Cách mạng tháng Tám thực hiện chủ nghĩa: Dân tộc, Dân quyền, Dân sinh..." [45, tr.187].

Trong "Lời kêu gọi thi đua ái quốc" ngày 11-6-1948, Người viết: "...Kết quả đầu tiên của thi đua ái quốc là toàn dân đủ ăn, toàn dân biết đọc, biết viết, toàn thể

bộ đội có đủ lương thực khí giới để diệt ngoại xâm. Toàn quốc thống nhất độc lập hoàn toàn thế là chúng ta thực hiện:

Dân tộc độc lập

Dân quyền tự do

Dân sinh hạnh phúc.

Ba chủ nghĩa ấy do nhà cách mạng Tôn Văn nêu ra" [45, tr.445].

Hồ Chí Minh đã tiếp thu chủ nghĩa Tam dân một cách sáng tạo, Người đã phát triển nó lên trình độ mới. Chủ nghĩa Dân tộc của Tôn Trung Sơn về đối ngoại là chống đế quốc giành Tự do cho Trung Quốc; còn Hồ Chí Minh chống đế quốc giành độc lập cho dân tộc gắn với CNXH. Tuy nhiên trong cách mạng dân tộc, Hồ Chí Minh gặp gỡ với Tôn Trung Sơn và Lê nin ở quan điểm, các dân tộc trong nước đều có quyền bình đẳng, không phân biệt đa số hay thiểu số”.

Chủ trương Dân quyền tự do của Hồ Chí Minh cũng có những nội dung khác với chủ nghĩa Dân quyền của Tôn Trung Sơn. Hồ Chí Minh nêu khẩu hiệu dân quyền tự do, với hàm ý: tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tín ngưỡng, bầu cử và ứng cử, tự do đi lại... Còn Tôn Trung Sơn quan niệm dân quyền của Trung Quốc thực hiện với khẩu hiệu dân quyền bình đẳng, bình đẳng mới là mục tiêu của Trung Quốc. Tôn Trung Sơn cho rằng, nhân dân Trung Quốc đã có tự do từ hơn 2000 năm trước rồi, bây giờ đã quá tự do nên trở thành "một bãi cát rời". Vì quá tự do cá nhân mà Trung Quốc không có đoàn thể dẫn đến đánh mất chủ nghĩa Dân tộc. Do đó, Tôn Trung Sơn chỉ đặt mục tiêu dân quyền bình đẳng, đây là điểm khác biệt giữa Tôn Trung Sơn và Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, giữa hai vĩ nhân này lại có sự gặp gỡ lớn trong việc thực hiện dân quyền, họ đều nhằm thực thi một nền chính trị toàn dân. Tôn Trung Sơn đưa ra bốn quyền của nhân dân kiểm soát, năm quyền của chính phủ, đề cao quyền lực của nhân dân bằng việc giành cho nhân dân quyền giám sát, phúc quyết, bầu cử và quyền bãi miễn đối với quan chức bộ máy nhà nước. Điều này chúng ta cũng thấy được, Hồ Chí Minh vận dụng vào việc xây dựng Nhà nước Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám.

Hồ Chí Minh chủ trương nhân dân có quyền giám sát chính phủ, quốc hội. "Quốc hội họp công khai, nhân dân có quyền vào dự". Người cũng chủ trương thực hiện quyền bãi miễn của nhân dân: "Nhân dân có quyền bãi miễn các đại biểu quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân. Nguyên tắc ấy đảm bảo quyền kiểm soát của nhân dân với đại biểu của mình" [45, tr.591].

Cả Hồ Chí Minh lẫn Tôn Trung Sơn đều coi công chức nhà nước là công bộc của nhân dân, Tôn Trung Sơn kêu gọi cán bộ "làm đại sự không làm đại quan". Hồ Chí Minh cũng chủ trương "nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là nhân dân, vì dân là chủ, trong bộ máy cách mạng từ người quét nhà, nấu ăn cho đến chủ tịch một nước đều là phân công công làm đầy tớ cho dân..." [45, tr.698]. Hồ Chí Minh cũng chủ trương thi hành quyền phúc quyết của nhân dân. Trong Hiến pháp năm 1946 do Người chỉ đạo soạn thảo, Điều 42 ghi rõ: Những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia sẽ đưa ra nhân dân phúc quyết nếu 2/3 tổng số nghị viên đồng ý.

Nhìn lại ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân ở Việt Nam, chúng ta thấy rằng: Dù có một thời gian, chủ nghĩa Tam dân bị nhìn nhận chưa thật chính xác, song vì "chủ nghĩa Tam dân" có ưu điểm là chính sách của nó phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Cho nên nó đã có ảnh hưởng nhất định tới các trào lưu cách mạng Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX và ảnh hưởng tới lịch sử Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám. Mặt khác, chủ nghĩa Tam dân đề cập đến những vấn đề lớn mang tính nhân loại, do đó nó vẫn còn nguyên giá trị lịch sử đối với nhân loại cũng như Việt Nam trong việc thực hiện các mục tiêu độc lập dân tộc, dân chủ và dân sinh.

KẾT LUẬN

Thời gian là thước đo khách quan và công bằng nhất đối với mọi giá trị tinh thần, nó giúp con người phân biệt được đâu là những giá trị nhất thời, đâu là những giá trị vĩnh cửu. Với độ dài một thế kỷ đã qua, từ khi chủ nghĩa Tam dân ra đời đến nay là thời gian quá đủ để chúng ta khẳng định những giá trị tích cực lẫn những hạn chế của nó. Cũng như mọi học thuyết tư tưởng khác, chủ nghĩa Tam dân không tránh khỏi hạn chế bởi sự qui định của thời đại và bản thân tác giả của nó. Song chúng ta vẫn có thể khẳng định rằng, đây là một "hệ tư tưởng vĩ đại", nó là kết tinh đỉnh cao về tư tưởng của giai cấp tư sản Trung Quốc thời cận đại. Ngay từ khi mới ra đời, chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn đã trở thành cơ sở tư tưởng, đường lối chỉ đạo và là ngọn cờ tập hợp động viên quần chúng nhân dân đứng lên làm cuộc Cách mạng Tân Hợi thành công. Dưới sự dẫn dắt của chủ nghĩa Tam dân và Tôn Trung Sơn, nhân dân Trung Quốc đã lật đổ ách thống trị của chế độ phong kiến đã từng tồn tại trên 2000 năm trong lịch sử Trung Quốc; lập nên nhà nước Dân chủ Cộng hoà - Trung Hoa Dân Quốc đầu tiên trong lịch sử cận đại của Trung Quốc. Không chỉ là lời giải cho bài toán lịch sử Trung Quốc, chủ nghĩa Tam dân còn chỉ ra một con đường cứu nước mới cho các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc ở Á Đông đầu thế kỷ XX. Vì thế, chủ nghĩa Tam dân đã có ảnh hưởng tới phong trào cách mạng ở Á Đông và Việt Nam trong những thập niên đầu thế kỷ XX. Hơn thế nữa, những chính sách của chủ nghĩa Tam dân còn chứa đựng cả những giải pháp phù hợp với thời nay. Những mục tiêu của chủ nghĩa Tam dân về một nền độc lập thật sự cho dân tộc, một thể chế dân chủ, tự do cho mọi người, một xã hội phồn vinh và công bằng hạnh phúc vẫn đang là những khát vọng thiêng liêng của tất cả các quốc gia, dân tộc trên hành tinh của chúng ta hiện nay.

Nghiên cứu nội dung của chủ nghĩa Tam dân, cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Tôn Trung Sơn giúp chúng ta rút ra được nhiều bài học bổ ích, gợi mở cho chúng ta nhiều suy nghĩ, ý tưởng mới có giá trị cho việc giải quyết các nhiệm vụ của cách mạng nước ta hiện nay.

Bài học kinh nghiệm đầu tiên chúng ta có thể rút ra đó là muốn thực hiện thành công lý tưởng cách mạng thì đòi hỏi mỗi người phải kiên định lập trường, quyết tâm cao độ, nỗ lực đến cùng, đập bằng mọi khó khăn thử thách dù có phải hy sinh cả tính mạng bản thân, học tập tấm gương của nhà cách mạng Tôn Trung Sơn.

Bài học kinh nghiệm thứ hai là để giữ vững được độc lập dân tộc, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta, bên cạnh việc giữ gìn và phát huy tốt các giá trị truyền thống của dân tộc thì chúng ta cần phải biết đi tắt đón đầu trong việc tiếp thu các thành tựu khoa học và công nghệ của nhân loại để nhanh chóng rút ngắn khoảng cách về trình độ phát triển của Việt Nam, tránh được nguy cơ tụt hậu và bắt kịp trình độ tiên tiến của thế giới.

Bài học kinh nghiệm thứ ba là chúng ta cần vận dụng quan điểm thực tiễn của Tôn Trung Sơn vào việc áp dụng các kinh nghiệm hay lý luận của nước ngoài để hoạch định đường lối chính sách phát triển đất nước của chúng ta, tránh sự rập khuôn máy móc, giáo điều.

Nghiên cứu chủ nghĩa Tam dân và ảnh hưởng của nó ở Việt Nam còn gợi mở cho chúng ta các ý tưởng, giải pháp có giá trị tích cực trong việc giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn của cách mạng nước ta hiện nay. Nhìn lại chủ nghĩa Dân quyền của Tôn Trung Sơn đầu thế kỷ trước, nó gợi mở cho chúng ta những giải pháp hữu ích để tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Mặt khác, quan điểm của Tôn Trung Sơn về quá trình thực hiện dân chủ có thể gợi mở cho chúng ta những giải pháp để thực hiện quyền dân chủ của nhân dân là phải căn cứ vào từng thời kỳ và trình độ dân trí đồng thời phải kết hợp tuyên truyền, giáo dục hướng dẫn nhân dân thực hành quyền dân chủ của mình.

Quan điểm của Tôn Trung Sơn về cơ chế “Ngũ quyền phân lập” không còn phù hợp với quan điểm của chúng ta ngày nay, song chủ trương thiết lập các cơ quan “Khảo thí” và “Giám sát” cũng có thể gợi mở cho chúng ta suy nghĩ về phương thức tuyển chọn và giám sát công chức viên chức Nhà nước sao cho hiệu quả nhất, đảm bảo năng lực công tác và phẩm chất đạo đức của cán bộ, giúp họ có ý thức thường xuyên rèn luyện tu dưỡng đạo đức để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ

và sự tín nhiệm của nhân dân. Trên cơ sở thực tiễn của nước ta, dựa vào các ưu điểm của “Hiến pháp Ngũ quyền phân lập”, chúng ta có thể lựa chọn những giải pháp khả thi nhất để hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Quan điểm của Tôn Trung Sơn về tự do và bình đẳng có thể gợi mở cho chúng ta những suy nghĩ để giải quyết mối quan hệ giữa dân chủ và chuyên chính, tự do và kỷ luật, giữa độc lập tự do về chính trị và giàu có phồn vinh về kinh tế.

Từ những bài học lịch sử, những ý tưởng có giá trị của Tôn Trung Sơn, chúng ta cần tiếp thu vận dụng một cách linh hoạt sáng tạo vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam nhằm xây dựng một nước Việt Nam **“Dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh”**.